



Niềm Tin và Cuộc Sống

BẢN TIN MỤC VỤ CỦA HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM HOUSTON
PASTORAL SERVICE BULLETIN OF VIETNAMESE ALLIANCE CHURCH HOUSTON

12343 Old Walters Rd. , Houston, TX 77014 - Tel. (281) 583-8821

www.tinlanhhouston.org

LỊCH SINH HOẠT CỦA
HỘI THÁNH TIN LÀNH HOUSTON

SỐ 3 (04/2012)

Chúa Nhật

Tĩnh Nguyện

9:30am - 10:00am

Trường Chúa Nhật

10:00am - 11:00am

Thờ Phụng in English

10:00am - 11:00am

Thờ Phụng Tiếng Việt

11:15am - 12:45pm

Thứ Ba

Tĩnh Nguyện tại Nhà thờ

8:00am

Thứ Năm

Tĩnh Nguyện tại Nhà Thờ - 8:00am

Nhóm Khu Vực Khu West - 7:30pm

Nhóm Khu Vực Khu North - 8:00pm

Thứ Sáu

Ban Thanh Thiếu Niên Học KT/CN

7:45pm

Ban Gia Đình Trẻ Học KT/CN

8:00pm

Thứ Bảy

Tĩnh Nguyện tại Nhà thờ

8:00am

Nhóm Tuần Hoàn Học KT/CN

7:30pm



Lá Thư Tòa Soạn

Kính chào Quý độc giả,

Thiên nhiên đang ở giữa mùa Xuân với hoa lá xanh tươi và sắc đẹp lạ thường; đây cũng là thời điểm chúng ta ở trong mùa kỷ niệm sự Thương Khó và sự Phục Sinh vinh quang của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Đối với người tin Chúa thì sự chịu khổ, chịu chết và sự phục sinh của Chúa Cứu Thế là nền tảng và trọng tâm của Cơ Đốc giáo, vì vậy nội dung chính của các bài viết số này xoay quanh chủ đề trên để nhắc chúng ta luôn luôn ghi nhớ công ơn cứu chuộc của Chúa, làm vững chắc đức tin đồng thời cũng giúp chúng ta mỗi ngày sống kết quả hơn cho Chúa.

Trong chương trình cứu chuộc nhân loại của Đức Chúa Trời đã hoạch định, Chúa Giê-xu phải xuống thế làm người và cuối cùng phải đổ huyết để đền tội thay cho chúng ta theo đúng luật công bình của Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 9:23). Nhưng điều gì xác chứng rằng Chúa Giê-xu thật sự là Chúa Cứu Thế để rồi huyết vô tội của Ngài có giá trị chuộc tội nhân loại? Chìa khóa của vấn đề chính là sự Phục sinh vinh quang của Ngài; cho nên sứ đồ Phao-lô đã viết: “Ngài bị nộp cho chết vì tội lỗi chúng ta và được làm cho sống lại để chúng ta được xưng công chính”(Rô-ma 4:25).

Thật là ý nghĩa khi Mùa Xuân mang lại sức sống mới cho muôn loài vạn vật sau những ngày tưởng như chết khô trong mùa đông giá lạnh; càng có ý nghĩa bội phần hơn cho chúng ta khi sức sống phục sinh của Chúa Cứu Thế đã Tái Sinh chúng ta và vẫn luôn luôn tiếp tục hành động trong đời sống của những Tào Vật Mới. Suy niệm về tình yêu và ân sủng cứu chuộc của Chúa Cứu Thế, nguyện xin Chúa cho chúng ta sống cuộc đời ngày càng đổi mới, đồng thời cũng là đồ dùng hữu ích trong chương trình Cứu Chuộc Vĩ Đại của Ngài trong thời kỳ cuối cùng này.

Kính chúc Quý độc giả vui hưởng Mùa Phục Sinh Mới với Sức Sống Mới từ Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Trân trọng.

Ban Chấp hành Hội thánh Tin Lành Houston.

Nội Dung Số 3 năm 2012

Lá Thư Tòa Soạn	2
BỒI LINH - Cửa Mộ Đã Mở Vì Ai?	3-6
BẠN CÓ BIẾT? - Vì Sao Em Bé 3 Ngày Tuổi Thoát Chết Kỳ Diệu?	6
THẾ GIỚI CƠ ĐỐC - (Phần II)	
Tại Sao Hội Thánh Hàn Quốc Đã Lớn Mạnh Nhanh Chóng?	7-9
TIN TỨC HỘI THÁNH	10-11
BỒI DƯỠNG LINH VỤ - (Phần I)	
Chỗ Cao Quý Nhất Trong Nước Đức Chúa Trời	12-14
SUY NGẪM - Tên Cướp Trên Cây Thập Tự	15-16
TÒA GIẢNG TIN LÀNH - Chén Đau Thương	17-18
KHOA HỌC VÀ KINH THÁNH	
Quái Vật Biển Leviathan Không Còn Là Huyền Thoại	19
THƯ NGỎ	20

Phản Mộ Trống

Con Trời chịu đinh đóng
Vết thương đau xé lòng
Chuộc ta, đền mạng sống
Cứu ta, đổ máu hồng.

Xác Ngài đặt bên trong
Lính nhận lệnh canh phòng
Đá chắn ngang cửa mộ
Bên ngoài lại niêm phong.

Nghĩ Sa-bát vừa xong
Các bà nôn nóng lòng
Đem thuốc thơm xức xác
Lên đường lúc hùng đông.

Đất bỗng nhiên rung động
Sứ trời đến uy phong
Lính thất kinh bất động
Giữ mộ thật luống công!

Kìa, Giê-xu lại sống
Ma quyền bị phản công
Hãy xem phản mộ trống
Vải liệm còn, xác không!

Chúng ta cũng sẽ sống
Trong Ngài, thoát hư vong
Duy Ngài là nguồn sống
Ban cứu rồi nhưng không. (1)

(1) nhưng không: không đòi công giá

Anh-Thư

Mùa Thương-khó, Phục-sinh 2012

CỬA MỘ ĐÃ MỞ VÌ AI?

Kinh Thánh : Giăng 20 :1-10

Mục sư Âu Quang Vinh



Chuyện kể rằng triết gia Auguste Comte có ý định muốn lập một tôn giáo mới; vị triết gia đến với Thomas Carlyle - một vị giáo sư cao niên và cũng là một nhà khảo học danh tiếng, để hỏi ý kiến xem mình phải bắt đầu như thế nào. Vị giáo sư nói với triết gia rằng điều đó thật đơn giản: Trước hết ông phải viết ra những giáo huấn và giới răn cho tôn giáo mà ông đề xướng, sau đó phân phát cho các môn đệ của mình.

- Rồi tôi phải làm gì nữa? Auguste Comte hỏi.

- Sau đó ông phải tự mình chịu đóng đinh trên cây thập tự, chịu chết, kể đó để cho người ta chôn trong mồ mả, rồi đến ngày thứ ba ông phải sống lại và hiện ra cho ít nhất 500 người xem thấy.

- Làm thế nào tôi chết mà sống lại được? Auguste Comte hỏi.

- Nếu không sống lại được thì tôn giáo ông lập ra chỉ là một tôn giáo chết, mà tôn giáo chết thì còn có thể cứu rỗi ai được. Thomas Carlyle kết luận.

Chúa Giê-xu phục sinh là nền tảng của Tin Lành cứu rỗi, nên sứ đồ Phao-lô đã nhấn mạnh trong I Cô-rinh-tô 15:17,20: *«Nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại thì đức tin anh em cũng vô ích; anh em còn ở trong tội lỗi mình...Nhưng bây giờ Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ»*. Mùa phục sinh năm nay chúng ta suy ngẫm trở lại về ngôi mộ trống của Chúa Cứu Thế - một minh chứng hùng hồn về Cứu Chúa chúng ta đã phục sinh

Sự kiện Chúa Giê-xu phục sinh xảy ra tại thành Giê-ru-sa-lem, trung tâm tôn giáo của người Do Thái. Chú ý đến khung cảnh và những sự kiện xảy ra trong ngày phục sinh đầu tiên, chúng ta không thể không lưu tâm đến việc khi Chúa Giê-xu hiện ra với Ma-ri Ma-đơ-len, thì bà đã tưởng lầm Chúa là người làm vườn, chứ không phải ngay lập tức nhận ra vị Thầy rất đỗi gần gũi và quen thuộc với mình. Lúc thấy ngôi mộ trống không, ý tưởng ngự trị trong tâm trí Ma-ri lúc đó là: Ai đã đánh cắp xác của Chúa hoặc là ai đã mang đời thi hài Chúa để chôn (hay cất giấu) tại một nơi nào khác? Trong lúc quá xúc động vì tình cảm yêu mến đối với Thầy của mình, và chưa biết được điều gì đang xảy ra với thân xác Ngài, Ma-ri đã khóc (Giăng 20:11)

Sự thất vọng và lo âu của Ma-ri đã phản ánh sự chống đối của một nhóm không ít người Do Thái đối với sự điệp phục sinh: Các người đã lầm rồi. Có ai đó đã mang xác Chúa Giê-xu đi chứ làm gì có sự phục sinh?

Khi chú ý đến người đầu tiên trên thế giới tận mắt chứng kiến sự phục sinh của Chúa Cứu Thế - là Ma-ri Ma-đơ-len, có nhiều điều quý báu mà chúng ta có thể học hỏi được từ nơi người phụ nữ này; song trong bài này chúng ta chỉ suy gẫm về cửa mộ của Chúa Giê-xu đã mở ra cho Ma-ri Ma-đơ-len cũng như cho các môn đồ khác có thể bước vào, chiêm ngưỡng và làm chứng nhân cho Chúa Cứu Thế phục sinh.

Phân đoạn Kinh Thánh Giăng 20:1-10 cho chúng ta biết mấy sự kiện quan trọng về người làm chứng đặc biệt này.

Bà Ma-ri Ma-đơ-len chính là người đầu tiên gặp gỡ Chúa Giê-xu Phục sinh.

Kinh Thánh không cho chúng ta biết nhiều dữ kiện về bà; chỉ biết rằng bà là người đã từng bị 7 quỷ dữ nhập vào, và được Chúa Giê-xu giải cứu (Lu-ca 8:2). Đã có lý thuyết cho rằng Ma-ri Ma-đơ-len vốn là một người phụ nữ xấu nét, và cuộc đời của bà chỉ được thay đổi sau khi gặp Chúa Giê-xu. Cho dù nhìn dưới bất cứ góc độ nào của quan điểm xã hội hay tôn giáo thời đó thì Ma-ri Ma-đơ-len là người bị khinh bỉ và xa lánh, thậm chí luật pháp Do Thái còn nghiêm cấm hạng người như bà bước vào bất cứ địa điểm sinh hoạt tôn giáo nào. Thế nhưng Đức Chúa Trời lại chọn con người như vậy để làm chứng cho sự phục sinh của Chúa Cứu Thế. Có sự nhầm lẫn nào chăng? Không, Đức Chúa Trời không hề nhầm lẫn trong sự chọn lựa của Ngài. Sự kiện Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết chính là hình ảnh tiêu biểu cho việc Chúa Giê-xu đắc thắng quyền lực của tội lỗi, của Sa-tan. Còn ai có thể thích hợp hơn Ma-ri cho sự chọn lựa này? Một con người bị xã hội coi là rác rưởi và gạt ra ngoài lề - một người sống mà như đã chết, nhưng trong tình yêu thương và ân sủng tuyệt vời của Chúa mà Ma-ri được làm cho thanh sạch để từ sự chết chuyển sang sự sống, và trở nên một người được Ngài sử dụng cho Tin Lành

vinh hiển của Ngài. Sự việc Ma-ri được lựa chọn làm nhân chứng đầu tiên của sự phục sinh há chẳng làm cho những ai tự cho mình là công chính phải trở nên hổ thẹn sao? (I Cô-rinh-tô 1:27-29). Người khoẻ mạnh không cần bác sĩ; Chúa Giê-xu đến thế gian để cứu tội nhân, Ngài chẳng phải đã chết và đã sống lại cho họ hay sao? Đó chính là Tin Lành về sự Phục sinh. Điều quan trọng là: *Một người chỉ có thể trở thành nhân chứng cho Chúa Phục sinh với điều kiện trước hết người ấy phải là một tội nhân đã được tha thứ tội lỗi – một người đã được cứu.*

2. *Buổi sáng sớm ngày thứ nhất của tuần lễ đó, Ma-ri đi đến mộ Chúa.* Trong tiếng Hy-lạp, từ “sáng sớm” là thời gian khoảng canh tư, đó cũng là lúc tối nhất của đêm trước khi bình minh ló rạng. Như vậy, Ma-ri đã đi đến mộ lúc trời còn tối. Đến mộ, Ma-ri thấy “hòn đá lấp cửa mộ đã được dời đi”. Mộ của người Do Thái không phải là một cái huyệt đào sâu xuống lòng đất, mà thường là một hang đá thiên nhiên hoặc là một căn phòng nhỏ được tạo nên bởi đục ngang vào một tảng đá lớn; phía trong mộ thường có những cái kệ đục trong vách đá, hay là những chiếc bàn bằng đá, và xác của người chết được đặt trên đó. Mộ có một lối vào nhưng không có cánh cửa cài then để đóng hoặc mở; người ta phải tạo ra trước ngôi mộ một rãnh đá lớn, và một tảng đá tròn lớn lăn được trong rãnh đó dùng để chặn cửa mộ lại; vì vậy người ta có thể bước vào trong mộ như được mô tả trong Giăng chương 20 câu 5,6,8. Khi Chúa Giê-xu được chôn cất - vì có lời đồn đại rằng Ngài sẽ sống lại, nên tổng đốc Phi-lát đã cử lính canh gác cẩn thận, thậm chí còn niêm phong cửa mộ lại để tránh chuyện trộm cắp xác Chúa (Ma-thi-ơ 27:66). Nhưng khi Chúa Giê-xu phục sinh, đất rung động dữ dội, những tên lính canh đã không còn nữa vì họ quá sợ hãi đến nỗi bất tỉnh, và cửa mộ đã mở toang vì hòn đá chắn cửa đã bị dời đi trong quyền phép của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 28:1-4).

Cho dù Ma-ri Ma-đơ-len có là người phụ nữ can đảm đến mấy đi chăng nữa, thì bà chắc chắn rằng không thể không biết: nếu bà đi tới thăm mộ Chúa để xúc xác cho Ngài bằng thuốc thơm (Lu-ca 24:1), thì hầu như cũng không có cơ may nào cho bà có thể làm việc đó. Những người lính canh giữ, tảng đá lớn chặn cửa mộ, dấu niêm phong mộ của chính quyền La-mã, sự giận dữ và tàn ác của những người lãnh đạo tôn

giáo Do Thái và một bộ phận quần chúng hòa theo, đó là những gì mà Ma-ri Ma-đơ-len phải đương đầu và vượt qua nếu muốn tiếp cận với xác của người Thầy mình. Nhưng điều gì đã thúc đẩy và khiến cho bà vượt qua sự sợ hãi song hành với cánh cửa cơ hội bị đóng, để cứ một mình đi tới mộ Chúa lúc trời còn chưa sáng? Đó chính là lòng tôn kính và yêu mến tốt độ đối với Chúa Giê-xu. Thánh Augustin đã nói rất đúng rằng “Tình cảm mạnh mẽ nhất thường bộc lộ ở những con người yếu đuối nhất.” *Một người chỉ có thể trở thành nhân chứng cho Chúa Phục sinh nếu có lòng yêu mến Ngài ở mức độ cao nhất, vì nhân chứng của Chúa là người tuân đạo theo đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.*



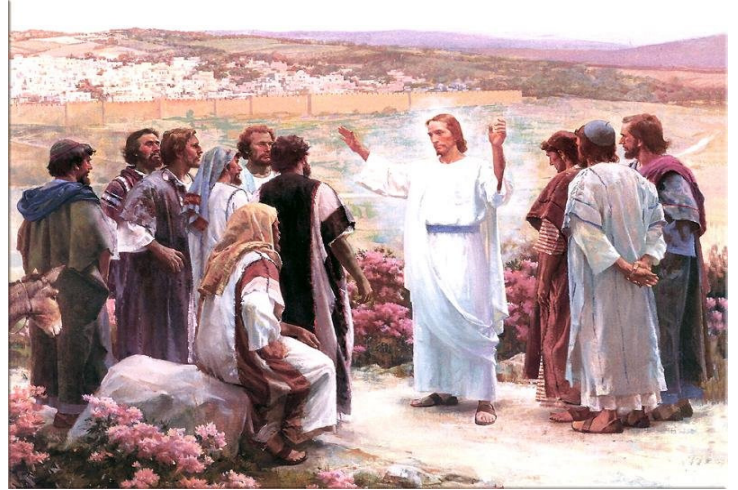
3. *Cửa ngôi mộ của Chúa Giê-xu đã mở, nhưng xác Chúa thì không còn đó.* Dĩ nhiên là Ma-ri Ma-đơ-len không nghĩ đến việc Chúa Giê-xu đã phục sinh, song bà tưởng xác Chúa bị dời đi, hoặc bị đánh cắp, hoặc biết đâu kẻ thù của Chúa Giê-xu đã làm điều gì đó đối với xác Ngài? Dù với lý do nào đi nữa, thì việc đang xảy ra trước mắt quá sức cho một người phụ nữ để đối phó hay giải quyết, vì vậy Ma-ri vội vàng quay trở về để báo tin cho hai sứ đồ là Phi-e-rơ và Giăng được biết. Sau khi hai vị sứ đồ được nghe thuật lại đầu đuôi sự việc, họ lập tức chạy đến mộ Chúa. Giăng là người đến trước hết, đứng phía ngoài mộ cúi xuống nhìn vào thấy ngôi mộ trống nhưng vải liệm còn đó, và ông vẫn đứng phía ngoài. Rồi tiếp đó Phi-e-rơ cũng đến nơi và bước vào mộ, nhưng cũng chỉ thấy vải liệm bỏ dưới đất, và chiếc khăn trùm đầu của Chúa Giê-xu được cuộn lại để ở một nơi khác. Giăng và Phi-e-rơ trở về nhà mình mà vẫn chưa hiểu lời Kinh Thánh tuyên bố rằng Chúa Giê-xu phải từ chết sống lại. Sau khi họ đi rồi, Ma-ri đến mộ Chúa lần thứ hai; cũng như lần trước bà vẫn

đứng ngoài mộ, nhưng có khác hơn một chút là bà vừa khóc vừa nhìn vào trong mộ. Lúc này, bà thấy một cảnh tượng khác với những gì mà Phi-e-rơ và Giăng đã trông thấy: Thấy hai thiên sứ và sau đó là thấy Chúa Giê-xu dù lúc đầu bà vẫn lầm tưởng Ngài là người làm vườn.

Giăng ký thuật lại khá tỉ mỉ cảnh trạng ngôi mộ lúc đó. Bản thân sứ đồ Giăng nhìn thấy vải liệm, còn Phi-e-rơ nhìn thấy vải liệm và khăn trùm đầu đặt ở hai vị trí khác nhau. Điều đáng lưu ý là 2 thứ ấy không hề đặt chồng lên nhau hoặc chất đống như lúc bình thường chúng ta thay quần áo. Vì vậy, nếu tin nơi Đức Chúa Trời quyền năng thì sẽ không khó để chúng ta có thể suy luận rằng Chúa Giê-xu phục sinh chẳng cần phải cởi bỏ vải liệm, nhưng Ngài đã “thoát” ra khỏi vải liệm và khăn trùm, bởi quyền năng của Ngài; vì thế vải liệm và khăn trùm được để lại một cách gọn gàng trên mặt đất. Thân thể của Đấng phục sinh không bị hạn chế của không gian hay bất cứ điều gì, vì vậy vào thời điểm Chúa Giê-xu phục sinh Ngài đã không cần phải lột bỏ những tấm vải liệm mới có thể bước ra khỏi cửa mộ; cũng như sau này Chúa Giê-xu có thể bước vào trong căn phòng nơi các môn đồ đang nhóm lại mà không cần mở cửa dù căn phòng đang đóng kín (Giăng 20:26).

Thế thì tại sao hòn đá lấp cửa mộ lại được dời đi? Cửa mộ mở toang để làm gì? Chúa Giê-xu không cần phải dời tảng đá chặn cửa mộ thì Ngài vẫn bước ra khỏi mộ, cũng giống như Ngài không cần phải mở cửa vẫn có thể bước vào phòng cao nơi các môn đồ đang nhóm lại. Nhưng các môn đồ thì không thể bước vào trong mộ nếu tảng đá chặn cửa mộ không được lăn đi, nếu những lính canh và dấu ấn niêm phong cửa mộ không bị vô hiệu hoá. Tảng đá được lăn đi để cửa mộ được mở ra, không phải mở cho Chúa Giê-xu nhưng là cho các môn đồ, để họ có thể bước vào trong mộ, chứng kiến và hiểu được sự phục sinh mẫu nhiệm của Chúa Cứu Thế. Chúa Giê-xu không cần phải bước ra từ cửa mộ được mở sẵn rồi tuyên bố rằng thần chết đã bị đánh bại, nhưng các môn đồ của Ngài (nói riêng) và con người (nói chung) cần phải bước qua cửa mộ để vào trong và thấy ngôi mộ trống, bởi đó hiểu được bí mật của ngôi mộ trống chính là huyền nhiệm về Đấng Cứu Thế đã phục sinh. Cửa mộ của Chúa Giê-xu đã mở

toang, đó là một trong những bằng chứng mạnh mẽ nhất về sự Phục sinh của Chúa Cứu Thế, nhưng con người phải bước qua cửa đó. *Một người chỉ có thể trở thành nhân chứng cho Chúa Phục sinh nếu trước đó người ấy bằng lòng bước đi bởi đức tin để chứng thực, để trải nghiệm và để gặp gỡ Chúa Giê-xu một cách cá nhân.*



Ngày nay, có nhiều người nghe về sự cứu rỗi mà không hiểu biết nội dung. Họ chưa hề gặp Chúa Phục sinh, bởi vì qua bao năm họ vẫn không vượt qua được những “tảng đá chặn cửa mộ”, cho dù Đức Chúa Trời ngay từ buổi sáng thế đã cho con người đủ mọi phương cách để có thể nhận biết Ngài như lời Kinh Thánh đã nói: “*Bởi những gì có thể biết về Đức Chúa Trời đều rõ ràng đối với họ vì Đức Chúa Trời đã tỏ bày cho họ rồi. Vì những gì của Đức Chúa Trời mà mắt trần không thấy được, kể cả quyền năng vĩnh cửu lẫn thần tính của Ngài, thì từ thuở sáng tạo vũ trụ đã được thấy rõ nhờ nhận thức về các tạo vật, nên họ không còn cách nào bào chữa được*” (Rô-ma 1:19-20). Khi ban Chúa Cứu Thế cho nhân loại, Đức Chúa Trời đã cung ứng cho con người tuyệt đỉnh của sự mạc khải về Ngài (Hê-bơ-rơ 1:1-4) đồng thời cũng là cung ứng cho chúng ta giải pháp cứu rỗi duy nhất. Ngày nay, trước khi thời đại ân điển chấm dứt, Ngài muốn sự cứu rỗi đó được giới thiệu với tất cả mọi người để họ có cơ hội được nghe Tin Lành và được cứu. Vì vậy Ngài cần những nhân chứng về sự phục sinh của Chúa Cứu Thế. Thế nhưng với chúng ta là những Cơ Đốc nhân – những người đã được cứu – những người được gọi là Nhân Chứng Cho Sự Phục Sinh Của Chúa Cứu Thế, có thể lắm chúng ta chưa thật sự trở thành nhân chứng của Ngài, hoặc là những chứng nhân thất bại. Tại sao? Vì chúng ta tin hời hợt, chưa hề đi sâu vào trong sự

sống của Chúa Phục sinh chỉ vì chúng ta vẫn cứ đứng ngoài ngôi mộ trống ngay cả khi Chúa đã lăn tảng đá và mở toang lối vào sẵn cho chúng ta rồi. Những chướng ngại lớn nhất mà sức chúng ta không thể tự giải quyết và vượt qua (giống như tảng đá chặn cửa mộ, những người lính gác, dấu niêm phong) thì bởi lòng thương xót và quyền năng mà Chúa đã cất đi và giải quyết cho chúng ta, nhưng có bao nhiêu người bởi đức tin mà bước vào ngôi mộ trống để thấy những bằng chứng của sự Phục sinh? Và ngay cả khi đã thấy những bằng chứng ấy rồi, có bao nhiêu người hiểu và tin sự Phục sinh ấy để rồi vui mừng ra đi làm chứng cho Chúa Phục sinh?

Trong Mùa Phục sinh này, xin Chúa cho chúng ta được nhắc nhở rằng: cửa mộ của Chúa Giê-xu đã mở là vì chúng ta. Nếu có tảng đá nào ngăn trở chúng ta bước vào chiêm ngắm Chúa Phục sinh, nguyện xin Ngài lăn đi cho chúng ta. Nếu có sự sợ hãi, tuyệt vọng, vô tín hoặc bất cứ điều nào ngăn trở chúng ta bước vào ngôi mộ trống, xin Chúa giúp chúng ta vượt qua để bước vào sự gặp gỡ phước hạnh với Đấng Phục sinh. Cuộc đời của một người được Chúa cứu, với lòng yêu mến Chúa, và tiếp tục bước đi bởi đức tin nơi Chúa Phục sinh sẽ giúp chúng ta kết quả với sứ mạng đã được uỷ thác: làm một Nhân Chứng Cho Chúa Phục Sinh.



Bạn Có Biết?

Vì Sao Em Bé 3 Ngày Tuổi Thoát Chết Kỳ Diệu?

Tại tỉnh Hà Tĩnh (Việt Nam) ngày 26/12/2011 xảy ra câu chuyện thật thương tâm: Ông Trần Thọ Đức (56 tuổi) sang nhà con trai là Trần Thọ Vũ (26 tuổi) lúc khoảng 7 giờ sáng thấy cửa vẫn còn đóng. Ông nghĩ trời lạnh nên mọi người đang ngủ và quay về cho lợn, gà ăn. Đến khoảng 8 giờ, ông sang thì vẫn thấy cửa đóng. Ông gọi mấy tiếng thật lớn nhưng không nghe tiếng ai đáp lại. Sinh nghi, ông tìm cách mở cửa sổ nhìn vào buồng thì tá hỏa khi thấy vợ là bà Thân Thị Phụng (53 tuổi) gục trước cửa. Trên giường, con trai và con dâu là Phan Thị Thảo (24 tuổi) nằm im bất động. Ông Đức như chết lặng rồi hô hoán mọi người phá cửa vào nhà. Trong căn buồng 3 người lớn đã chết. Bé trai mới 3 ngày tuổi vẫn còn thoi thóp. Mọi người đã sơ cứu cho bé. Sau khi tiến hành khám nghiệm để làm rõ nguyên nhân vụ việc, cảnh sát cho biết: Tại hiện trường, 3 người lớn chết với biểu hiện: Miệng sùi bọt mép, mặt đỏ bầm; dưới giường 3 chậu than vẫn còn bốc khói. Khí Các-bon-nic (CO₂) vẫn còn nặng. Kết luận: cả 3 nạn nhân chết là do ngạt thở. Nguyên nhân là do cửa phòng đóng kín, than cháy suốt đêm hút hết ôxi, thải ra khí CO₂ nên người không có đủ lượng ôxi cần thiết.

Nhưng câu hỏi “ Vì sao đứa bé mới 3 ngày tuổi con của vợ chồng chị Thảo lại sống sót?” thì cảnh sát không thể lý giải, bởi đó các nhà y học vào cuộc. Đưa thắc mắc này đến gặp bác sĩ Nguyễn Tuấn, Phó Giám đốc Sở Y tế Hà Tĩnh, người có chuyên môn sâu về bệnh nhi, ông Tuấn giải thích: Ở trẻ sơ sinh, hay trẻ đang trong bào thai có chất Hemoglobin F khoảng 90%. Khi trẻ lớn dần lên đến khoảng 3 tháng thì chất đó chỉ còn khoảng 30%, đến 5 tháng chỉ còn 1%; ở người lớn chỉ còn 0,5%. Loại chất này hấp thụ ô-xi thấp rất tốt. Có nghĩa là khi trong cơ thể người nào có chất Hemoglobin F nhiều, thì trong môi trường kém ô-xi họ vẫn chịu đựng tốt. Điều đó lý giải tại sao khi trẻ đang trong bào thai, ô-xi trong máu mẹ rất ít nhưng thai nhi vẫn hấp thụ được nên vẫn sống được. Chính vì thế, có thể cháu bé 3 ngày tuổi đã thoát chết dù trong căn phòng đóng kín, lượng ô-xi rất thấp.

Cũng theo Bác sĩ Tuấn, nếu như đứa trẻ đó mà sinh nhiều ngày hơn thì khó sống sót. “Cho nên việc cháu bé thoát chết kì lạ chính là nhờ sự kì diệu của Tạo Hóa, mà ở đây là chất Hemoglobin F có trong cơ thể bé” - Bác sĩ Tuấn khẳng định.

Khoa học cho biết: Theo nguyên lý, khi đốt ở một nhiệt độ nhất định, khí Cacbon (C) sẽ kết hợp với Oxy có trong không khí (O₂) tạo thành Cacbon dioxit (CO₂) và nhiệt lượng. CO₂ không có tác dụng duy trì sự sống, nhất là khi tồn tại trong một căn phòng nhỏ, kín, nó sẽ đẩy các chất khí nhẹ hơn (là O₂) ra ngoài để chiếm chỗ. Những người ở trong phòng vì thế sẽ không có khí để thở. Tuy nhiên, đó lại không phải là thủ phạm chính gây tử vong, mà nguy hiểm nhất, có khả năng đem đến cái chết nhanh chóng, nhẹ nhàng, lại là khí Monoxit Cacbon (CO). Đây là một loại khí cực kỳ độc, không màu, không mùi, không tan trong nước và chiếm một lượng lớn nhất trong quá trình đốt than. Trong điều kiện phòng chật, kín thì chỉ cần ủ một viên than cũng đủ làm chết tất cả những người ở trong đó. Hiện tượng ngộ độc khí CO rất dễ xảy ra trong điều kiện thông khí kém. Khi khí CO vào cơ thể nó sẽ lấy ôxi trong người để tạo thành CO₂. Hậu quả là nạn nhân bị thiếu oxy một cách trầm trọng, có thể dẫn đến hôn mê và tử vong.

Tại Sao Hội Thánh Hàn Quốc Đã Lớn Mạnh Nhanh Chóng? (Phần II)

Giáo sư Tiến sĩ Cho Chong Nahm

3.1 Chúa sai phái các công nhân tốt của Ngài :

Sau khi chuẩn bị đất tốt rồi thì Chúa sai phái người của Ngài đến Triều Tiên để làm việc, và tôi phải nói đến các buổi truyền đạo bổ ích của các nhà truyền giáo đến Triều Tiên từ buổi đầu. Hầu hết các giáo sĩ đến Triều Tiên từ thời kỳ mới mẻ đó đều là những người bảo thủ. Một số người đã lập nên một Hội truyền giáo gọi là Nevius Plan mà Hội thánh Trưởng Lão ở Triều Tiên tiếp nhận, và thường nêu lên vì coi đó là một hướng làm tốt. Cách làm này được đặt trên ba trụ cột truyền giáo quen thuộc: tự truyền bá, tự quản lý, tự cung cấp. Tiến sĩ Moffett cho rằng đó là cách góp phần vào sự tăng trưởng của Hội thánh Hàn Quốc một cách tốt đẹp.

John L. Nevius là một nhà truyền giáo vào Trung Quốc. Nevius đã không còn ảo tưởng với cái mà ông gọi là phương pháp cũ để thực hiện việc truyền giáo - sử dụng quỹ nước ngoài để thuê người trong nước xây dựng nhà thờ. Ông đã đề đạt một phương cách mới. Hội thánh Hàn Quốc trong kế hoạch Nevius Plan đã nhấn mạnh những điểm sau:

- (1) Học hỏi Kinh Thánh: Kinh Thánh là cơ sở cho mọi công việc của Cơ Đốc nhân, cho nên Kinh Thánh đã được dạy dỗ một cách có hệ thống trong các lớp Kinh Thánh mùa đông và mùa hè. Đó là giáo dục tôn giáo cho tất cả mọi người.
- (2) Tự truyền bá: Mỗi người tín hữu thường xuyên phải làm công việc truyền đạo, tức là cá nhân chứng đạo.
- (3) Tự quản: Các nhóm tín đồ chọn lấy những người lãnh đạo riêng, không có lương; những nhóm này được luân phiên phục vụ bởi những người giúp việc trả lương.
- (4) Tự cung tự cấp: Mỗi nhóm tự xây dựng nhà thờ, mời và chu cấp cho vị Mục sư của nhóm riêng.
- (5) Truyền đạo lưu động: Người truyền đạo phải đi lưu động rộng rãi, với một người phụ việc Hàn Quốc nhưng tránh chấp nhận chức vụ Mục sư của các Hội thánh Hàn Quốc.

Dù Nevius Plan đã từng tốt hay xấu, thì nó đã là chương trình thành công duy nhất ở Triều Tiên. Tuy nhiên, nó không áp dụng được lâu dài vì nó được hình thành để sử dụng tuyệt đối chỉ cho thời chiến.

3.2. Chúa đã ban cho sự phục hưng lớn từ ban đầu

Chúa đã ban đổ phước hạnh cho Hội thánh Hàn Quốc qua một cuộc phục hưng lớn vào năm 1903-1907. Sự phục hưng này đã là một dấu ấn tâm linh trên sự thành lập hiến chương của Hội thánh Hàn Quốc, và có thể sánh với sức nóng tốt điểm của một núi lửa đang phun trào; đó là biến cố đã làm rung chuyển Hội thánh vào thập kỷ đầu của thế kỷ 20.

Cuộc phục hưng đã bắt đầu lặng lẽ trong một tuần lễ cầu nguyện và học hỏi Kinh Thánh ở Wonson dưới sự chỉ đạo của một nhà vật lý thuộc phái Giám lý từ Canada đến, ông R.A. Hardie. Trong thời gian học Kinh Thánh, tiến sĩ Hardie

cảm thấy được Đức Thánh Linh hướng dẫn, ông đã tới trước các nhà lãnh đạo và hội chúng trong một buổi nhóm, lúng túng thú nhận một cách hổ thẹn về sự cao ngạo, cứng lòng và thiếu niềm tin của ông. Từ Wonson, làn sóng phục hưng mở rộng và cao điểm là một buổi nhóm lớn vào buổi tối ở Pyong Yong vào năm 1907. Trong buổi nhóm này, Tiến sĩ W.U. Blair một trong các nhà lãnh đạo đã viết: *"Một buổi nhóm như thế tôi chưa thấy bao giờ, và sự hiện diện của Chúa là tuyệt đối cần thiết. Đêm đó mỗi tội mà con người đã phạm được thú nhận, sự thống khổ trong tâm trí và thân xác, những linh hồn tội lỗi đứng trong ánh sáng trắng của sự phán xét, tự mình đối diện với mình như Chúa đã thấy họ. Mọi tội lỗi, sa đọa của họ bật dậy, tự họ kinh tởm họ: sự cao ngạo biến mất, bộ mặt con người bị quên mất. Nhìn lên trời cao, nhìn vào Chúa Jesus- người mà họ đã phản bội, họ cay đắng kêu lên thống thiết: Chúa ơi, Chúa ơi, do bởi chúng con, xin đừng rời xa mãi mãi! Mọi sự đã được quên đi, chẳng điều gì có ý nghĩa nữa. Sự khinh bỉ của người ta, sự trừng phạt của luật pháp, thậm chí cái chết cũng trở nên nhỏ bé nếu Chúa tha thứ. Chúng ta cũng có thể có những lý thuyết khôn ngoan về sự thú nhận tội lỗi trước công chúng, nhưng tôi biết rằng khi Thánh Linh của Chúa làm tan chảy các linh hồn có tội thì sẽ có sự xưng tội và chẳng thế lực nào trên đất có thể làm ngưng điều đó lại được".* Sau này, báo London Times ở Anh đã nhận xét rằng: sự phục hưng ở Triều Tiên vào lúc đó giống như cuộc phục hưng ở Wesleyan vào thế kỷ 18.

Cuộc phục hưng đã làm cho các Cơ Đốc nhân Hàn Quốc tin tưởng ở Kinh Thánh và ở quyền phép của Chúa qua các phép lạ, đồng thời cũng làm cho họ chú tâm vào việc truyền bá đạo Chúa. Họ đi đến từng nhà thú nhận tội lỗi của mình với những người mà họ có lỗi. Cuộc phục hưng làm cho các tín đồ làm việc gần gũi hơn với các truyền đạo, nhận lỗi cùng nhau vì đã từng thiếu sự hợp tác chặt chẽ. Cuộc phục hưng tỏa rộng và Hội thánh tăng trưởng: trong vòng 5 năm, số tín hữu tăng lên gấp 4 lần. Niềm tin của tín đồ chẳng gì hơn là được thanh tẩy, rằng sự phục hưng phải được tôi luyện trong chính cuộc sống của các tín đồ.



Yoido Full Gospel Church, Yoido, Seoul, South

3.3. Sự cầu nguyện và dâng hiến của Cơ Đốc nhân Hàn Quốc

Cơ Đốc nhân Hàn Quốc và Hội thánh tăng trưởng trên cơ sở này tất sẽ có những đặc điểm riêng. Những đặc điểm này đã đóng góp vào sự tăng trưởng của Hội thánh Hàn Quốc.

a. Hết lòng vì Thánh Kinh: Cơ Đốc nhân tin tưởng ở Kinh Thánh vì Hội thánh Hàn Quốc được xây dựng trên cuộc đại phục hưng 1903-1907, nên chúng tôi có thể nói rằng mỗi buổi nhóm của Hội thánh, dù là buổi sáng hay buổi cầu nguyện đều giống như một cuộc phục hưng. Mỗi tín đồ đều mang theo Kinh Thánh và Thánh Ca; và cũng hình thành tiêu chuẩn là mỗi nhà thờ hay khu vực đều có một lớp học Kinh Thánh. Mỗi buổi chiều đều có buổi nhóm, “*thói quen này hình thành từ những năm khi cuộc phục hưng tràn qua đất này*”, ông Blair bình luận.

Hệ thống lớp học Kinh Thánh là một khía cạnh đặc biệt của công tác. Mỗi nhà thờ trong năm đều có một lớp học; như người Giu-đa giữ lễ Vượt Qua, tín đồ Hàn Quốc giữ những ngày thánh này để cầu nguyện và học hỏi Kinh Thánh chính là một sự phục hưng đích thực của tình yêu và sự phục vụ. Bí mật của sức sống tiềm tàng trong Hội thánh Hàn Quốc là sự hết lòng với lời Chúa. Họ tin Kinh Thánh, dựa vào năng quyền của Thánh Linh, và năng lực của Chúa qua phép lạ.

b. Nhiệt tâm truyền đạo

Mỗi buổi lễ tối Chủ Nhật đều là một lễ truyền giảng. Mỗi Cơ Đốc nhân đều mong muốn được là một người truyền đạo, vì vậy chúng tôi phải rao giảng lời Chúa khi có dịp tiện và cả khi không có dịp tiện. Chính là năng quyền của Đức Chúa Jesus ủy thác cho chúng tôi rao giảng lời Chúa, và về sau đã chuyển thành buổi nhóm phục hưng hoặc truyền giảng có tính cách quần chúng; đặc biệt là sau năm 1950, Billy Graham đã có một buổi truyền giảng lớn nhất ở ngoài trời. Năm 1974, trong khi Billy Graham đang truyền giảng, hàng ngàn người đã tụ họp lại ở quảng trường Seoul Yoido. Năm 1980 cũng có một cuộc truyền giảng tương tự ở Seoul, đây là một cuộc truyền giảng phối hợp huấn luyện và học hỏi Kinh Thánh. Cứ một hoặc hai năm lại có một cuộc truyền giảng như thế ở các thành phố ở Hàn Quốc.

Mỗi sáng Phục Sinh, Hội thánh lại có một lễ thờ phượng vào lúc mặt trời mọc. Năm 1975, lần đầu tiên tất cả các nhà thờ Tin Lành bắt đầu nhóm lễ thờ phượng Phục Sinh cùng nhau ở chung một chỗ, tôi đã có đặc ân là rao giảng cho 350.000 người nhóm lễ Phục Sinh ở Quảng Trường Yoido vào lúc mặt trời mọc.

Mỗi nhà thờ địa phương cứ 2 lần trong một năm lại có một tuần động viên, nhấn mạnh việc truyền đạo, thường được gọi là tuần lễ hay ngày Chủ nhật tổng động viên. Mỗi thành viên chuẩn bị trong sự cầu nguyện và làm việc với tư cách cá nhân để rao giảng đạo Chúa cho hai hoặc ba người trong ngày Chủ nhật đặc biệt đó.

c. Một số người nói rằng bí mật chính là tinh thần tự cung, tự tín của nhà thờ.

Tự quản trị nhà thờ đã trở thành một phần ăn sâu vào niềm tin Cơ Đốc. Niềm tin này đã được nuôi dưỡng qua những khó khăn mà các tín đồ Hàn Quốc đã phải trải qua.

d. Nhiệt thành cầu nguyện:

Cơ Đốc nhân Hàn Quốc được mọi người biết đến là những Cơ Đốc nhân cầu nguyện. Họ đã được học để trở thành như thế

khi họ bị bắt bớ. Những buổi nhóm cầu nguyện là một phần sức mạnh bí mật của Hội thánh, và đã hình thành tính cách của tín đồ Hàn Quốc trong sự cầu nguyện như: họ cầu nguyện lớn tiếng và đồng thanh, cầu nguyện lúc rạng sáng và lúc khuya, cầu nguyện và kiêng ăn. Một tín đồ Hoa kỳ đã nhận xét: “*tín đồ Hàn Quốc cầu nguyện bằng một niềm tin son sắt đơn sơ, nó làm cho chúng ta những người sống trên đất Chúa phải hổ thẹn. Trong một vài cuộc nhóm phục hưng ở Songdo, người ta đi lên đồi, sau giờ nhóm, quỳ trên đất bằng giá của mùa đông mà kêu cầu Chúa tuôn đổ Thánh Linh. ở Chai Ryung, vào mỗi 5 giờ 30 sáng, nhiều người Hàn Quốc đã đến nhà vị Mục sư, tôi cũng đang ở đó, cùng ông cầu nguyện trong vòng một giờ. ở Pyong Yang, mục sư Kil Sun Ju và một người nữa có thói quen cầu nguyện ở nhà thờ vào lúc bình minh. Những người khác nghe tin ấy cũng xin được cùng nhóm với họ*”. Robert Finley, một du khách người Mỹ đến Hàn Quốc năm 1950 tường thuật về phong trào cầu nguyện như sau: “*Việc hàng ngày lúc 5 giờ sáng các tín đồ Hàn Quốc nhóm cầu nguyện làm tôi thật bất ngờ. Tôi chưa bao giờ thấy một kỷ luật như vậy ở Mỹ, mà ở Mỹ tôi cũng chưa thấy một sự tận hiến cho Chúa đến thế khi thấy hàng trăm người tiếp tục quỳ suốt đêm để cầu nguyện*”. Việc cầu nguyện này thực hiện lúc đêm khuya hoặc rạng sáng, và đặc điểm là kiêng ăn cầu nguyện. Ngày nay, hầu hết các Hội thánh Hàn Quốc đều thực hành các buổi cầu nguyện lúc 5 giờ sáng. Tiến sĩ Kim, một sử gia về Hội thánh, nhận xét rằng: tất cả các Mục sư chủ tọa đều đặn cầu nguyện trong các buổi nhóm rạng sáng và khoảng 80% trong số họ cầu nguyện riêng khoảng 30 phút sau buổi nhóm, và khoảng 10% thì đều đặn tham dự các buổi cầu nguyện lúc 4 giờ 30 hoặc 5 giờ sáng. Buổi đó bắt đầu bằng một bài giảng ngắn về Kinh Thánh, rồi hội chúng cầu nguyện lớn tiếng theo những yêu cầu của chủ tọa đã nói vài giây trước. Cuối cùng là cầu nguyện riêng khoảng 30 phút, lớn tiếng hay trong im lặng tùy theo mỗi người.

Thỉnh thoảng Hội thánh tổ chức những buổi cầu nguyện đặc biệt vào buổi sớm theo những chủ đề riêng như nhóm phục hưng, hoặc những vấn đề thiết yếu cấp thời mà vị Mục sư sẽ nêu lên. Mỗi tối thứ sáu, hầu hết các nhà thờ Hàn Quốc có thông lệ tổ chức buổi cầu nguyện qua đêm. Cũng có những kỳ kiêng ăn cầu nguyện với những lý do để kiêng ăn mà các Mục sư thường đưa ra là: (a) Vì sự trau dồi niềm tin một cách sâu nhiệm hơn; (b) để giải quyết những vấn đề gia đình; (c) để hòa giải; (d) vì những vấn đề trong việc làm ăn; (e) vì những nan đề của Hội thánh. Kiêng ăn làm cho người ta tập trung hơn, suy ngẫm sâu hơn để đi vào sự xác tín sâu sắc. Một đặc trưng của tinh thần cầu nguyện ở Hàn Quốc là phong trào cầu nguyện trên núi. Phong trào này bắt đầu năm 1910, đến năm 1920 thì trở thành phổ biến, và ở đỉnh cao khi Nhật bách hại Hội thánh khốc liệt (1930). Lúc đầu, chỉ có một số Mục sư đi vào núi để tìm nơi cầu nguyện. Sau này, phong trào cầu nguyện trên núi thực sự bắt đầu ở Chulwon thuộc tỉnh Kangwon vào tháng 8 năm 1945, sau đó là ở Kyungbook tháng 10 năm 1945 do Mục sư Na Uy Mong. Sau chiến tranh, cầu nguyện trên núi bắt đầu nở rộ. Người ta xây trên núi một thánh đường nơi thường có Mục sư giảng và nhóm, có phòng ngủ, phòng khách cho những người đến để cầu nguyện; nó có vẻ giống như là ở thời Trung Cổ vậy. Nhiều người đến đó cầu nguyện hàng tháng trời hoặc lâu hơn. Mỗi sáng và tối đều có nhóm cầu nguyện mà chủ tọa là người chịu trách nhiệm của

nơi đó, họ dự các buổi nhóm, thời giờ còn lại chỉ cầu nguyện riêng.

Trong lúc phong trào “núi cầu nguyện” tác động đến cuộc sống cầu nguyện một cách mạnh mẽ, thì một số người đã làm một số việc ảnh hưởng có hại cho Hội thánh Hàn Quốc vào những năm 1970. Núi cầu nguyện đã thành vườn ươm của những hoạt động giả mạo tôn giáo và của cả những dị giáo. Nhưng cũng trong những năm 1970 bắt đầu có những sự phát triển lành mạnh trong phong trào “núi cầu nguyện”. Những núi cầu nguyện này đã được thành lập và được dắt dẫn không phải là những cá nhân, mà bởi các Hội thánh địa phương. Nhiều nhà thờ, kể cả nhà thờ Younngak, Choonghyun, và Full Gospel đã chủ tọa các buổi nhóm “núi cầu nguyện” của riêng mình và đã cung cấp những vị trí cùng những cơ hội tốt cho hội chúng giống như các Mục sư, để cầu nguyện đều đặn. Các nhà thờ địa phương Hàn Quốc đang tận dụng tốt nhất những điều kiện này cho việc tăng trưởng tâm linh.

e. Kinh Thánh được đặt trước sự cầu nguyện và theo sau là sự phục hưng

Như đã nhận xét ở trên, các buổi cầu nguyện phải được hướng dẫn bằng một bài giảng luận Kinh Thánh; thói quen này thừa hưởng từ những buổi nhóm cầu nguyện phục hưng ở Hàn Quốc trước đây. Thí dụ, như trong cuộc đại phục hưng năm 1907, bài giảng là “Thư thứ nhất của Giăng”, trong vòng một tuần người giảng là R.A. Hardie. Đây là một sự kế thừa rất tốt. Thật khó thấy có một buổi nhóm nào mà không có một bài giảng về Kinh Thánh.

Một nét đặc sắc khác là các buổi nhóm cầu nguyện thường kèm theo sự xưng tội, điều này dẫn đến sự tin nhận chân thật và hướng dẫn tới phong trào phục hưng. William N.Blair đã miêu tả điều mắt thấy tai nghe của ông trong buổi nhóm cầu nguyện năm 1907 ở Wonson và Pyongyang như sau: “*Khi buổi cầu nguyện đang tiếp tục thì một linh hồn nặng nề, sầu khổ trong hội chúng bật dậy. Một người khóc và tất cả hội chúng đều khóc. Người này tiếp người kia đứng lên thú nhận tội lỗi của mình, tan vỡ tấm lòng và khóc, lăn xuống sàn nhà. Đôi lúc, sau khi thú nhận tội lỗi, cả hội chúng cùng cầu nguyện lớn tiếng. Sự việc hàng trăm người cùng cất tiếng lớn cầu nguyện thật khó tả nổi. Và cuộc họp có khi đến tận 2h sáng với sự xưng tội, khóc lóc và cầu nguyện*”.

Cũng thế, một cuộc đại phục hưng xảy ra tại một buổi học Kinh Thánh ở Seoul (hiện nay là trường Đại học Thần học Seoul) năm 1921. Trong một buổi cầu nguyện sớm, một giáo sư đã có một lời chứng và các học viên xúc động đến nỗi đã đến dự buổi nhóm sáng hôm sau. Buổi nhóm bắt đầu lúc 4h sáng và tiếp tục cho đến tận trưa, vì các học viên lần lượt từng người xưng nhận tội lỗi mình và làm chứng về sự chiến thắng tâm linh. Chẳng có cách nào làm ngưng sự cầu nguyện và làm chứng của các học viên được. Cả trường học đều bị rung động. Một sử gia nói với chúng tôi rằng cuộc phục hưng này đã lan tỏa giữa các Mục sư và các nhà thờ Tin Lành trong toàn đất nước Hàn Quốc. Nó tạo nên cái nền cho sự tăng trưởng nhanh của Hội thánh Tin Lành Hàn Quốc vào những năm đó. Đến hôm nay, chẳng ngạc nhiên gì khi thấy nhiều sinh viên đã xưng nhận tội mình trong các buổi thảo luận nhóm. Các cuộc họp mặt cầu nguyện cho chúng ta cơ hội được tái sinh, dâng mình như một tín đồ. Một niềm tin chân thật được sinh ra trong những buổi họp mặt cầu nguyện như thế.

III. Lời kết: Cơ hội và sự thách thức lớn

Về những nguyên nhân của sự phục hưng nhanh chóng của Hội thánh Hàn Quốc, người ta đã chỉ ra nhiều điều như : Sự nhiệt thành truyền bá Tin Lành của các tín đồ, sự tận hiến cho lời Chúa, sự quản trị một cách đảm bảo. Tôi nghĩ niềm tin không thay đổi của mỗi tín đồ Hàn Quốc, niềm tin chân thật chính là sức mạnh của Hội thánh. Một niềm tin như thế không thể tồn tại nếu không có một cuộc sống cầu nguyện chân thành. Tiến sĩ Moffett đã nói rằng tín đồ Hàn Quốc có thể chết; nhưng dù sống hay chết , họ là người của Chúa. Họ là những người không thể chiến bại. Khi niềm tin nơi Chúa của họ bị thử lửa, niềm tin có cơ hội để lớn lên.

Để kết luận, tôi phải nói rằng chúng ta vô cùng biết ơn Chúa đã ban phước cho Hội Thánh Hàn Quốc. Howard Snyder có lần đã viết về những thay đổi lớn trong 50 năm của thế giới Cơ Đốc là: đã đến lúc trung tâm Tin Lành đang chuyển từ phương Tây sang phương Đông. Xin hãy cầu nguyện cho Hội thánh Hàn Quốc để họ có thể trả món nợ của họ bằng cách tận hiến cho việc rao giảng Tin Lành cho toàn thế giới. Cùng lúc, tôi muốn nài xin các bạn hãy cầu nguyện cho Hội thánh Hàn Quốc để họ không mất niềm tin và nhiệt tâm của họ cho việc rao giảng Tin Lành. Như các bạn thấy, Hội Thánh Hàn Quốc đang tăng trưởng lớn rộng; không còn sự bất bớ nào đối với Hội thánh. Mặt khác, Hội thánh đang định chế hóa (trở thành một cơ quan và rất nhiều trò chơi đang được bày ra). Mọi loại thần học từ bảo thủ đến tự do và cấp tiến đều đang có tại Hàn Quốc, nhập cảng từ Mỹ và châu Âu.

Từ thực tế đó, những lời của John Wesley chọt đến trong tâm trí tôi, phản ánh một cách nghiêm trọng điều ông đã thấy về Hội thánh trong lịch sử. Ông viết: “*Sự bất bớ chưa bao giờ có thể gây bất kỳ một sự thương tổn kéo dài nào cho niềm tin Cơ Đốc chân thật. Mà sự lớn nhất nó đã nhận được, cú đập mạnh vào chính gốc rễ của tình yêu nhẫn nại, mềm mại, khiêm nhường chính là sự hoàn thành luật Chúa, toàn bộ cốt lõi của một tôn giáo đích thực, cú đánh đã giáng vào thế kỷ IV bởi Constantine Đại Đế khi ông ta tự gọi mình là Cơ Đốc nhân, và đã đổ một con lũ giàu có, danh dự và quyền lực trên các Cơ Đốc nhân, đặc biệt là trên các giáo sĩ...*” Chính vì vậy, khi sự sợ hãi bất bớ đã hết rồi và sự giàu sang đang chờ đợi các Cơ Đốc nhân, thì nguy cơ là họ không từ từ chìm xuống mà hấp tấp lao đầu vào đủ mọi loại đam mê, truy lạc.

Chúng ta luôn luôn cần sự phục hưng trong tấm lòng của chúng ta cũng như trong các Hội thánh Hàn Quốc với lời cầu nguyện chân thành. Xin cho tôi được nhắc lại: hãy cầu nguyện cho Hội thánh Hàn Quốc ! Cảm ơn các bạn.



* Một truyền thống tốt đẹp 125 năm của Hội Truyền Giáo Phước Âm Liên Hiệp (C & MA) và Hội Thánh Tin Lành Việt Nam suốt 100 năm qua, đó là **tinh thần Truyền Giáo**. Tạ ơn Chúa cho Hội Thánh Tin Lành Houston được gần 37 năm đứng chung trong dòng lịch sử đó, được dự phần trong công cuộc Truyền Giáo Thế Giới với Tổng Hội C&MA. Hội Đồng Truyền Giáo hằng năm của Hội Thánh Tin Lành Houston đã được tổ chức vào tối Thứ Bảy ngày 18 tháng 2/2012; diễn giả là Mục sư Lê Thế Đình, cựu Giáo Sĩ Truyền giáo tại Việt nam. Trong hội đồng Truyền giáo năm nay, Mục sư Lê Thế Đình đã nhắc nhở con dân Chúa về truyền thống tốt đẹp của các bậc tiền bối đã làm, về bổn phận và trách nhiệm của người đã được cứu, đồng thời khơi dậy tâm lòng quan tâm, nghĩ đến các Giáo sĩ đang phục vụ trên những cánh đồng truyền giáo thế giới để hỗ trợ một cách thực tiễn bằng tài chánh, sự cầu nguyện .v.v... Chúa đã ban ơn trên Hội đồng Truyền giáo năm nay của Hội thánh Houston với số tiền hứa dâng năm 2012 cho công cuộc truyền giáo thế giới là \$18,253.00 (tính đến ngày 20/3/2012) . Cảm tạ ơn Chúa!



Mục sư Lê Thế Đình giảng cho Hội đồng Truyền giáo



Ban hát Hội thánh tôn vinh Chúa trong HĐ Truyền giáo

* Hội Đồng Bồi Linh Nữ Giới vùng Tây Nam Hoa Kỳ được tổ chức tại Hội Thánh Tin Lành Houston lúc 7:00 PM Thứ Sáu ngày 09 tháng 03 năm 2012. Hiện diện gồm có Bà Samuel Ông Hiền - Đoàn Trưởng và 9 Ban Phụ Nữ các Hội thánh thuộc bang Texas và Louisiana. Mặc dù thời tiết không tốt nhưng Chúa đã giữ gìn các đại biểu và tín hữu với khoảng 150 người đến dự Hội Đồng trong sự bình an. Ban Phụ Nữ Hội Thánh Houston đã dự phần trong việc tiếp đón và tổ chức Hội Đồng Bồi Linh Nữ Giới. Với câu gốc “ Hỡi anh em, tôi nhơn danh Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, khuyên anh em hãy đều phải đồng một tiếng nói với nhau, chớ phân rẽ nhau ra, nhưng phải hiệp một ý một lòng cùng nhau”(I Cô-rinh-tô 1:10) và đề tài “Hiệp Một Để Phục Vụ”, Mục Sư Hồ Hiếu Hạ đã giảng Lời Chúa cho Hội Đồng, khích lệ giới nữ đứng lên tích cực phục vụ Chúa trong Hội thánh. Trong chương trình, ngoài việc Bồi Linh cho Nữ Giới, các đại biểu đã nghe Bà Nguyễn Phúc Tần, là Nghị Viên vùng Tây Nam, tường trình sinh hoạt các Ban Phụ Nữ trong năm qua và dự án của Ban Phụ Nữ trong thời gian tới. Bà Samuel Ông Hiền – Đoàn Trưởng đã chủ tọa bầu cử Nghị Viên vùng Tây Nam. Bà Trần Văn Hạnh đã đắc cử Nghị Viên vùng Tây Nam nhiệm kỳ 2012 – 2014 thay thế Bà Nguyễn Phúc Tần mãn nhiệm. Hội đồng cảm ơn Bà Nguyễn Phúc Tần đã đóng góp thì giờ cũng như cầu nguyện cho các Ban Phụ Nữ vùng Tây Nam trong 4 năm qua. Cảm tạ Chúa đã chúc phước trên Hội Đồng Bồi Linh Nữ Giới để thu được kết quả làm vinh hiển Danh Chúa.



Mục sư Hồ Hiếu Hạ giảng cho Hội đồng Nữ Giới



Ban hát Nữ giới Hội thánh Houston tôn vinh Chúa

* Đứng trước nhu cầu củng cố và phát triển Hội Thánh trong hiện tại, Ban Chấp Hành / Chấp Sự Hội Thánh Tin Lành Houston đã tổ chức chương trình Huấn Luyện - Bồi Linh cho các Chấp Sự & nhân sự phục vụ Chúa trong Hội thánh, vào ngày Thứ Bảy 10 tháng 03 năm 2012 tại cơ sở Hội Thánh Tin Lành Houston; có khoảng 40 người tham dự. Ngoài sự có mặt của tín hữu Hội Thánh Houston còn có sự hiện diện của Hội Thánh bạn: Ông bà MS Lê Phước Thuận & tín hữu Hội Thánh Lời Chúa; Bà Samel Ông Hiền - Đoàn Trưởng Đoàn Phụ Nữ Giáo Hạt Việt Nam Hoa Kỳ; Ông bà MS Nguyễn Phúc Tản – HT Amarillo; MS Phan Trọng Bảo.

Diễn giả của chương trình huấn luyện là Mục Sư Hồ Hiếu Hạ - Nghị Viên Ban Chấp Hành Giáo Hạt Tin Lành Việt Nam Hoa Kỳ; với đề tài: “ CHÚC NANG CỦA CHẤP SỰ & BAN NGÀNH ”, Câu gốc: “ Y như Ê-pháp-ra là bạn đồng sự thiết nghĩa với chúng tôi đã dạy anh em; người giúp đỡ chúng tôi như một kẻ giúp việc trung thành của Đấng Christ,” (Cô-lô-se 1:7)

Tối thứ Bảy cùng ngày, MS Hồ Hiếu Hạ dùng Lời Chúa nâng đỡ và khích lệ tín hữu với đề tài: “ GUƠNG THEO CHÚA CAO ĐỘ CỦA TÍN HỮU HỘI THÁNH TÊ-SA-LÔ-NI-CA ”, Kinh Thánh: I Tê-sa-lô-ni-ca 1:6-10
Mọi người ra về với lòng mong ước sẽ hầu việc Chúa cách tích cực hơn, phục vụ Anh Chị Em cùng niềm tin theo như cách Chúa dạy.

Chúng tôi, Ban Linh Vụ, Ban Chấp Hành / Chấp Sự, cùng toàn thể con dân Chúa Hội Thánh Houston chân thành cảm tạ MS Hồ Hiếu Hạ đã dành thì giờ đến huấn luyện và dùng Lời Chúa khích lệ. Cầu xin Đức Chúa Trời ở cùng và ban ơn cách đặc biệt trên chức vụ của Ông bà MS Hồ Hiếu Hạ. Chúng tôi cũng rất mong được tái ngộ với Ông bà MS Hồ Hiếu Hạ vào một ngày đẹp trời như ở Seattle vậy. Chúng tôi cảm ơn Ban Âm Thực đã lo liệu cho mọi người dự huấn luyện được những bữa ăn ngon, đầy đủ và dư dật.

Theo thông lệ, các Hội Thánh Tin Lành Việt Nam tại Texas hợp tác để tổ chức trại gia đình cho toàn thể tín con Chúa trong khu vực. Trại Gia đình nhằm mục đích:

- Bồi linh, thêm sức mới, gây dựng đức tin
- Huấn luyện: nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết thực trong đời sống đức tin.
Thông công: nhằm tạo cơ hội cho tín con Chúa thuộc nhiều Hội thánh khác nhau sinh hoạt chung để gây tình thân và nâng đỡ nhau.

Trong chiều hướng tốt đẹp đó, Trại Gia đình năm 2012 cũng sẽ được tổ chức cụ thể như sau:

- **Thời gian:** 25-27 tháng 5, 2012 (từ 6:00 chiều Thứ Sáu-4:00 chiều Chúa Nhật)
- **Địa điểm:** Lakeview Methodist Conference Center (www.lakeviewmcc.org)
- **Chủ đề:** *Nơi Dấu Chân Chúa*
- **Kinh Thánh:** I Phi-e-rơ 2:21
- **Diễn giả:** Mục sư Nguyễn Đăng Minh (tiếng Việt); Mục sư Phạm Văn Hùng (tiếng Anh)
- **Liên Lạc:** Ghi danh/Sinh Hoạt: Quan Ninh (972-408-6153)
- Chương Trình tiếng Việt: Mục Sư Huỳnh Văn Linh (512-914-7501)
- Chương Trình tiếng Anh: Mục Sư Nguyễn Biên (817-296-6365)

Xin Quý tín con Chúa thêm lời cầu nguyện cho Trại hè này thu được kết quả. Quý tín hữu trong Hội thánh có thể ghi danh tham dự trại qua Website : <https://sites.google.com/site/2012familycamp/>

CHỖ CAO QUÍ NHẤT TRONG NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI - (Phần I)

Phạm Vũ Triều Thiên

Trong quyển tự truyện của mình, Victor Herman kể về những ngày tù tội đầu tiên của ông trong trại tù hồi chiến tranh thế giới thứ II. Đó là xà lim số 39, một căn phòng dài 1,65 mét nhưng chứa đến 16 người tù ngồi trên hai băng ghế. Từ sáng sớm cho đến tối mịt, họ bị buộc phải ngồi câm lặng, không động đậy; đến đêm, họ nằm trên sàn giá lạnh co ro như cá mè trong hộp. Cuộc sống không thể tệ hơn nữa, khi ngay sát cửa là chiếc thùng xí mà 10 ngày mới đổ một lần. Chỉ mới sau 24 giờ đồng hồ thôi mà Herman muốn phát điên. Điều duy nhất cứu được ông là một người bạn tù, bí danh là Trưởng Lão. Ông này mỗi ngày làm hai việc: đếm đủ 16 bát súp, phân phối cho từng người, và không cho ai được phép ăn trước khi người cuối cùng nhận khẩu phần của mình. Mỗi đêm ông làm hiệu hai lần cho những người bạn tù đồng loạt đổi thế nằm để tránh khỏi bị tê buốt do quá chật chội.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn cả là Trưởng Lão ngồi ngay sát cái thùng xí, nơi mùi hôi thối xông lên nặng nề nhất và cũng gần cánh cửa nhất, nơi dễ hứng những cú đánh dã man của bọn lính canh. Đối với Victor Herman, người tù với bí danh Trưởng Lão là mẫu người lý tưởng của một người Cơ Đốc với tâm tình phục vụ.

Điều tôi tâm đắc nhất và cũng là một thách thức không nhỏ khi tôi hình dung cảnh tượng những người tù trong hoàn cảnh cùng cực ấy, nơi con người bị lột trần trụi để lộ ra bản chất thật của mình thì vẫn còn có những nhân cách lớn. Nơi mà người ta tất yếu sẽ dùng phần **con** để cư xử với nhau, thì vẫn còn những **người** hiện diện. Khi không còn gì để mất, người ta dễ dàng tìm cách thủ lợi cho mình, vì bản năng sinh tồn. Những hình ảnh ghi lại được trong các phòng hơi ngạt của Đức Quốc xã cho thấy xác người chất chồng lên nhau như một ngọn tháp, vì ai cũng muốn tìm cho mình chút không khí quý báu. Người ta sẵn sàng đạp lên người khác để mình được sống, cho dù sự sống ấy không kéo dài được bao lâu.

Không ai trách những người Do Thái trong hoàn cảnh kinh khủng ấy. Có trách chẳng là trách những ai đang trong hoàn cảnh thuận lợi chỉ vì chút hư danh, hão huyền nở lòng quay lưng với sự kêu gọi của Chúa, sẵn sàng lợi dụng một cách không thương tiếc sự tin tưởng của bầy chiên đối với người chăn. Chúa Giê-xu nói đến họ trong Phúc Âm Giảng chương 10. Họ không thực hiện trách nhiệm đối với bầy, là tìm đồng cỏ xanh tươi, mé nước bình tịnh để bầy chiên được thỏa thích, no nê.

Họ thực hiện chức vụ của mình cách tắc trách, qua loa thay vì khổ nhọc suy nghĩ tìm cách làm sao cho bầy chiên của mình được mạnh khỏe, no đủ về phần tâm linh, nâng đỡ an ủi, chăm sóc những con chiên đau ốm bệnh tật. Họ không dành đủ thì giờ ngồi suy gẫm lời Chúa, vật lộn tìm hiểu lời quyền năng *“sắc bén hơn mọi gươm hai lưỡi, xuyên thấu, đến nỗi phân chia hồn với linh, khớp với tủy, xét đoán các tư tưởng và ý định trong lòng người”* (Êphê-sô 4:12 - Bản Dịch Mới), *“có ích cho việc dạy dỗ chân lý, bác bỏ điều sai trái, sửa chữa lỗi lầm, đào luyện con người sống công chính, hầu cho người của Đức Chúa Trời được trang bị đầy đủ và sẵn sàng để làm mọi việc lành”* (II Ti-mô-thê 3:16-17 BDM). Kết quả tất yếu là bầy giảng khô như ngói. Đời sống họ không có sự tươi mát từ lời ngọt ngào của Chúa, làm sao họ đem sự tươi mát ấy đến cho những con chiên bận bịu với miếng cơm, manh áo cả tuần. Bản thân họ không khao khát mật ngọt nên không thể khích lệ bầy đi tìm mật ngọt trong lời Chúa.

Trách nhiệm của người chăn là: biết rõ địa bàn trách nhiệm của mình, những nguy hiểm, nơi đồng cỏ xanh tươi, những vực sâu, thời tiết và cả những tiềm năng. Hãy hình dung cảnh người chăn chậm rãi đi trước, không quá xa bầy chiên, đôi lúc còn dùng âm nhạc để khích lệ bầy chiên, đem cảm giác an bình đến cho chúng. Thật là một hình ảnh ấn tượng với tất cả mọi người. Ai cũng biết sự khác biệt giữa một người chăn chiên thật, hiền lành so với kẻ chăn thuê, không đáng tin cậy vì người chăn thuê có thể không lưu tâm đến việc đem bầy đến đồng cỏ tươi ngon, hoặc lo chạy thoát thân và bỏ mặc bầy chiên khi nguy hiểm đến. Người chăn thật quan tâm đến những chiên mẹ đang có con nhỏ, bế chiên bé trên tay (Ê-sai 40:11), một kết hợp hài hòa giữa sự thận trọng và dịu dàng với dịu dàng và tin tưởng.



Uy quyền của người hầu việc Chúa không thuộc dạng đương nhiên như của một thẩm phán hay cảnh sát, nhưng là một uy quyền dựa trên lời hứa trung thành, sự quan tâm, hỗ trợ và đồng cảm với những người mình chăm sóc. Chúng ta, những người Cơ Đốc, có thể học được từ đâu quan điểm về uy quyền như thế này ngoài Chúa Giê-xu trong tinh thần hi sinh phục vụ của Đấng Cứu Thế.

Uy quyền đúng đắn trong chức vụ không phải là thứ quyền lực bề ngoài, có tính cách áp đặt, lạm dụng, rất xa lạ với mong muốn của những người thuộc quyền; nhưng là thứ ảnh hưởng chính đáng đem lại hạnh phúc với mong ước tốt lành cho những người trong giáo phận của mình. Người chăn dắt lãnh đạo bày chiên trong sự đồng cảm với những ao ước, hi vọng cũng như nhu cầu của bầy. Điều này phát xuất từ tấm lòng của Đức Chúa Trời trong mối quan tâm chăm sóc mà Ngài dành cho thế gian.

Người hầu việc Chúa trong trách nhiệm quản gia thể hiện rõ ý niệm về trách nhiệm giải trình về thời gian mình phục vụ trên đất. Khác với quan điểm thông thường trong xã hội hiện nay là chẳng ai chịu trách nhiệm về việc chung, người hầu việc Chúa phải chịu trách nhiệm về vai trò và công việc của mình trước Hội Thánh và Đức Chúa Trời. Thế giới thời Tân ước rất quen thuộc với những quan điểm đánh giá sự vĩ đại dựa trên quyền lực, uy quyền và số lượng người dưới quyền mình cai quản (Ma-thi-ơ 20:25). Hoàng đế La-mã được xem là vĩ đại bởi vì ông nắm quân đội trong tay, chỉ định các cấp lãnh đạo chính trị, điều hành nhiều quốc gia và sở hữu hàng ngàn nô lệ. Chúa Giê-xu kết thúc câu nói bằng cách nhấn mạnh rằng: *“Nhưng trong vòng các con thì không nên như thế”* (Ma-thi-ơ 20:26 -BDM). Người làm lớn nhất là người phục vụ, người đứng đầu là người thực hiện chức năng của một nô lệ (Ma-thi-ơ 20:27).

Tính vĩ đại không dựa trên việc ra lệnh cho người khác làm theo yêu cầu của mình, nhưng tùy thuộc vào việc mình phục vụ người khác. Phục vụ càng nhiều, vinh dự càng lớn. Chúa Giê-xu dùng một cách đánh giá rất khác với mọi người. Ngài phán “Nếu các con muốn làm lớn, hãy làm đầy tớ; nếu muốn đứng đầu, hãy làm nô lệ. Đây chính là cuộc cách mạng Cơ Đốc, một cuộc đổi thay tiêu chuẩn của trần gian. Một tiêu chuẩn giá trị hoàn toàn mới mà được ban ra.

Làm thế nào để một người Cơ Đốc sống trong thế gian mà không bị tác động bởi ảnh hưởng của xã hội?

Thế giới đã đặt sai chuẩn mực về sự vĩ đại từ thế kỷ thứ nhất cho đến tận thế kỷ hai mươi mốt. Chúa Giê-xu tuyên bố rằng bất cứ ai đáp ứng với sự kêu gọi của Chúa và trở thành công dân của thiên đàng, đều phải sống theo một tiêu chuẩn khác biệt với tiêu chuẩn của trần thế này. Giữa thế kỷ thứ nhất, lúc Chúa Giê-xu kêu gọi các môn đệ của Ngài nhận lấy vai trò của một nô lệ, thì trong đế quốc La-mã lúc ấy có khoảng sáu mươi triệu (60.000.000) nô lệ. Tất nhiên các môn đệ của Ngài hiểu rất rõ vị thế của một nô lệ là ở dưới đáy xã hội.

Cho dù sự đối xử có khác nhau, nhưng nói chung nô lệ trong thời đế quốc La-mã đều nằm trọn trong quyền sinh sát của chủ. Đối với luật pháp, một nô lệ không có quyền gì cả; dù là nam hay nữ, nô lệ bị trừng phạt tàn tệ khi sai phạm. Một nô lệ không được xem là con người mà chỉ là một đồ vật thuộc quyền sở hữu của chủ nhân; người chủ có toàn quyền mua, bán hay nuôi nô lệ như một con vật.

Chúa Giê-xu lại dùng hình ảnh nô lệ như một mẫu mực cho sự vĩ đại trong vòng dân sự của Ngài. Trong nước của Đức Chúa Trời, sự vĩ đại không được đánh giá qua tiêu chuẩn của trần gian như: giàu có, địa vị, quyền lực. Nước Đức Chúa Trời hoàn toàn khác hẳn. Chỗ cao quý nhất trong nước của Ngài lại dành cho nô lệ! Chúa Giê-xu nhắc lại cho các môn đệ của Ngài rằng: người nào tình nguyện trở thành nô lệ, từ bỏ tất cả những đặc quyền của mình và không khoe khoang thành tích công lao, là người đứng đầu trong số họ. Chúng ta có thể thông cảm cho sự sùng sốt của các môn đệ khi Chúa bảo họ phải mang lấy thân phận tôi đòi trong một xã hội coi trọng vật chất, quyền lực. Cũng giống như ngày hôm nay khi chúng ta khuyến khích tôi tớ Chúa và tín hữu sống trong tinh thần khó nghèo, hi sinh, dấn thân phục vụ lợi ích của người khác trong khi nhan nhản những hình ảnh không tốt đẹp của những người lợi dụng chức vụ để tham nhũng, hoặc dùng tiền không phải của mình cho những mục đích không chính đáng.

Những lời kết trong cuộc đàm đạo giữa Chúa Giê-xu và các môn đệ là một trong những câu quan trọng nhất của sách Ma-thi-ơ. Lý do chính yếu khiến các môn đệ của Chúa phải thực hiện vai trò của một nô lệ là vì *“Con Người không phải đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ và hiến mạng sống mình cứu chuộc nhiều người.”* (Ma-thi-ơ 20:28). Chính Ngôi Lời nhập thể là chuẩn mực và động cơ của tinh thần hi sinh phục vụ mà mỗi công dân thiên quốc phải noi gương.

Nếu vậy ai là người thật sự vĩ đại? Theo suy nghĩ thông thường thì đó là người giàu có, nổi tiếng, quyền thế. Nhưng Chúa Giê-xu lại quan niệm khác hẳn: theo Ngài thì người vĩ đại là người sống cuộc đời phục vụ nhu cầu của người khác trong tâm tình của một nô lệ.

Nếu phương cách của thế gian ngược với ý muốn của Đức Chúa Trời và chỉ đem đến sự hủy hoại, thì làm sao chúng ta tìm ra con đường hẹp dẫn đến nước Trời và sự sống như được nói trong Ma-thi-ơ 7:13-14?

Đa số các học giả Tân Ước đều đồng ý rằng chủ đề chính của sứ mạng của Chúa Giê-xu là nước Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 4:23; Lu-ca 4:43). Điều đầu tiên Chúa Giê-xu rao giảng là: *“Nước Đức Chúa Trời đã đến gần, hãy ăn năn và tin nhận Tin Lành”* (Mác 1:15). Những môn đệ đầu tiên được Chúa sai đi *“truyền giảng nước Đức Chúa Trời”* (Lu-ca 9:2). Sau khi Phục sinh, những lời dặn dò cuối cùng của Chúa Giê-xu với các môn đệ liên quan đến *“những điều về nước Đức Chúa Trời”* (Công vụ 1:3).

Đa số các chuyện ngụ ngôn về nước thiên đàng của Chúa Giê-xu nhằm giải thích ý nghĩa của nước Đức Chúa Trời thường khởi đầu bằng câu *“Nước thiên đàng ví như...”* (Ma-thi-ơ 13:24; 31,33,44,45,47,52; 18:23; 20:1; 22:2; 25:1). Trong bài Cầu Nguyện Chung, Ngài dạy các môn đệ thưa với Đức Chúa Trời rằng *“Nước Cha được đến, ý Cha được nên, ở đất như trời”* (Ma-thi-ơ 6:10). Điều đó hàm ý khi luật công chính của Đức Chúa Trời ngày càng được thừa nhận trong tâm lòng, trong đời sống của chúng ta cũng như trong thế giới này, thì nước Đức Chúa Trời đang đến.

Nếu nước Đức Chúa Trời là trọng tâm trong sứ mạng của Chúa Giê-xu thì thực chất nước đó ở đâu, khi nào? Nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay cho rằng nước đó thuộc về tương lai, cả trong không gian lẫn thời gian. Chắc chắn sự trị vì của Chúa cũng hàm ý tương lai khi *“Vương quốc của thế gian nay đã trở thành vương quốc của Chúa chúng ta và của Chúa Cứu Thế của Ngài! Ngài sẽ trị vì đời đời!”* (Khải Thị 11:15 BDM). Tuy nhiên, trong tâm tưởng của Chúa Giê-xu thì nước Đức Chúa Trời ở ngay trong hiện tại. Nước Trời được mặc khải trong Thánh Kinh như một hiện thực tâm linh trong hiện tại mà tầm quan trọng chính là *“sự trị vì của Chúa trong mỗi linh hồn thuộc về Ngài”*. Do đó thuộc về nước Đức Chúa Trời có nghĩa là thuận phục dưới vương quyền của Chúa. Sứ đồ Phao-lô mô tả đó là *“sự công chính, bình an và vui mừng trong Thánh Linh”* (Rô-ma 14:17).

Như thế liệu thẩm quyền của nước Đức Chúa Trời có kém hơn thẩm quyền của chính quyền trần gian chẳng? Ngược lại là khác. Những ai thuận phục quyền bính và kinh luật của Chúa đang tuân theo một tiêu chuẩn cao hơn pháp chế của con người. Vì luật pháp của Chúa đòi hỏi gặt gao hơn. Nói cách dễ hiểu thì công dân thiên quốc phải vâng phục hai mạng lệnh chính yếu: Yêu Chúa hết lòng, và yêu người lân cận như yêu chính bản thân mình (Ma-thi-ơ 22:37-40). Đối với thiên quốc thì điều luật lớn nhất là yêu thương (I Cô-rinh-tô 13; Rô-ma 13:8). Tình yêu này không hề giả tạo hay nặng phần cảm xúc – đó là tình yêu *agape*, một tình yêu với chất lượng độc đáo được mô tả rõ ràng qua cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Đấng Christ (Mác 10:35-40). Chúa cai trị bằng luật yêu thương, và yêu thương là gì nếu không phải là thái độ đạo đức?

Xã hội nể vì những người nắm giữ những chức vị đầy quyền lực và áp đặt ý muốn của mình trên người khác, nhưng trong nước Đức Chúa Trời lại không như vậy. Một môn đệ của Chúa được xem là vĩ đại khi hành xử như một nô lệ phục vụ người khác trong tinh thần khiêm nhường và hi sinh, giống như Chúa Giê-xu. Để bước vào vương quốc tâm linh mà Chúa Giê-xu loan báo, đòi hỏi một sự biến hóa tích cực của con người bề trong – từ ngữ được dùng là *“quy đạo”*. Ăn năn và tin nhận Tin Lành của Chúa nghĩa là người này phải từ bỏ mình, không đi theo giá trị hay tiêu chuẩn của thế gian nữa, nhưng thuận phục tận trong lòng sự trị vì của Chúa trên cuộc đời mình.

(Còn 1 kỳ nữa)



Tên Cướp Trên Cây Thập Tự

Liên Hà

Trên cây thập tự, Chúa Giê-xu bị dân chúng nhạo cười vì cho rằng Ngài tự xưng là Chúa mà không cứu được chính mình (Ma-thi-ơ 27:38-43). Không những thế thôi, một trong hai tên cướp cùng trong cảnh ngộ bị đóng đinh vào thập tự giá cũng mắng nhiếc Ngài và thách thức Chúa hãy tự cứu Ngài lẫn anh ta nữa (Lu-ca 23:39). Trong hai tên cướp đó, chúng ta thấy có ít nhất là *hai quan niệm sống khác nhau của những con người giống nhau*.

Một tên cướp thì thách thức Chúa rằng “Hãy tự cứu lấy mình người cùng chúng ta nữa”. Đây là quan niệm sống của tên cướp này: ích kỷ, chỉ lo đến sự sống của mình, và không cảm thông với người đồng cảnh ngộ với mình đang bị đóng đinh trên thập tự giá. Vâng, cho đến chết tên cướp này vẫn không thay đổi được tính cách của mình; cũng chính vì vậy mà tên cướp này đã đánh mất đi cơ hội hiếm hoi (nếu như không muốn gọi là duy nhất) để được cứu, mà không phải ai trong hoàn cảnh của anh ta cũng có được.

Tên cướp kia thì trách nó rằng “Người cũng chịu một hình phạt ấy, còn chẳng sợ Đức Chúa Trời sao? Về phần chúng ta, chỉ là sự công bình, vì hình chúng ta chịu xứng với việc chúng ta làm; nhưng người này không hề làm một điều gì ác.” Chính vì hai quan điểm, hai suy nghĩ khác nhau đó nên dẫn đến kết quả khác nhau: Một tên cướp thì chỉ dừng lại ở những lời trách móc của mình và không thêm được gì khác; tên kia thì xin với Chúa Giê-xu rằng “Hỡi Giê-xu, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi!” Chỉ một lời kêu xin như vậy thôi mà tên cướp này đã hưởng được một phần thưởng lớn nhất và giá trị nhất trong cuộc đời của mình. Chính Chúa Giê-xu đáp rằng: “Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Pa-ra-di.” Chính việc nhận thức được rằng “Hình chúng ta chịu xứng đáng với việc chúng ta làm” đã đem lại cơ hội để tên cướp này nhận được sự được cứu rỗi. Dầu là một tên cướp khét tiếng đến nỗi bị treo trên thập tự, có lẽ cả hai đều đã và đang phạm tội trọng cho đến lúc bị bắt, nên mới cùng cảnh ngộ và cùng một hình phạt như vậy. Nhưng bây giờ, đứng trước sự chết, đứng trước công lý dầu cho là công lý của loài người bất toàn đi chăng nữa, thì tên cướp này cũng thốt lên được lời nói rằng: “Hình ta chịu xứng với việc ta làm”. Đây là lời xưng tội của *một người can đảm*, tên cướp này cũng không ngờ rằng chính lời xưng tội đó mà anh ta có cơ hội để được sự cứu rỗi. Sau khi biết mình là một tội nhân, tên cướp này tiến thêm một bước xa hơn nữa là

quay sang để nhìn biết sự vô tội của Chúa Giê-xu. So sánh chính mình với Chúa, theo tên cướp này, thì Chúa Giê-xu quả là Đấng Cứu Thế. Nhìn vào chính mình với câu nói “Hình ta chịu xứng với việc ta làm” và quay sang Chúa Giê-xu với lời nhận định “Người này không hề làm một điều gì ác” để rồi đi đến quyết định tối quan trọng làm thay đổi cả một tương lai đời đời của anh ta, đó là lời cầu xin: “Hỡi Giê-xu, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi.”

Hai điều mà tên cướp đã nhận định cũng là hai điều mà chúng ta thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, nhưng chỉ vì cả hai nhận định đó được đặt trong những hoàn cảnh khác đi hoặc không giống như tình trạng của tên cướp nên đã lấy đi của chúng ta không ít những phước hạnh và bình an trong Chúa. Đứng trước công lý tên cướp này nhìn nhận rằng “Hình tôi chịu xứng với việc tôi làm”, nghĩa là không đổ lỗi cho hoàn cảnh, không cay đắng trong lòng, không một lời biện hộ, tên cướp yên lặng chịu treo thân trên thập tự. Yên lặng để rồi có cơ hội nhìn biết được bên cạnh mình là Đấng vô tội cũng bị đóng đinh như chính mình. Có nhiều lần trong cuộc sống, chúng ta cũng gặt hái lấy những điều giống như tên cướp này vì lỗi lầm của chính mình. Nhưng rồi thái độ của chúng ta trước những hoàn cảnh đó là gì? Có phải chăng là vì chúng ta đổ thừa cho hoàn cảnh đưa đẩy, rồi vì có những người đã làm cho tôi vấp phạm và rồi chúng ta thưa với Chúa rằng “Chúa ôi! Tại sao, tại sao lại là con?”; có thể nói rằng đây là thái độ thường có của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta thưa được với Chúa rằng “Chúa ơi, hình con chịu xứng với việc con làm, xin tha tội, xin dạy dỗ con điều con cần học”, thì tôi tin rằng cuộc đời chúng ta sẽ khác đi khi chúng ta can đảm nói với Chúa như vậy. Bởi vì không nói được như vậy, nên chúng ta cay đắng trong lòng, đổ lỗi cho con người, đổ lỗi cho hoàn cảnh, và rồi tội lỗi trong chúng ta còn y nguyên, không giải quyết được.

Sau khi đã xưng nhận tội lỗi của mình, tên cướp quay sang so sánh mình với Chúa Giê-xu và thấy “Với tôi thì hình tôi chịu xứng với việc tôi làm, nhưng người này không hề làm một điều gì ác.” Nhìn vào chính mình để thấy Chúa Giê-xu là Đấng vô tội, nhìn vào Chúa Giê-xu để thấy Ngài là Đấng Cứu Thế. Cũng là so sánh, nhưng khi Phi-e-rơ so sánh mình với người khác thì ông cảm thấy mình vĩ đại: mọi người khác đều là kẻ có tội và chỉ có ông là người sẽ chiến thắng, kết

cục là sau đó ông đã chối Chúa ba lần. Tên cướp này không dám so sánh mình với Chúa Giê-xu, nhưng thực tế là *khi nhìn vào Chúa và quay sang nhìn lại chính mình thì không có chỗ nào để tên cướp này cứng lòng được nữa*. So sánh mình với người khác khiến cho Phi-e-rơ thất bại, nhưng khi tên cướp so mình với Chúa thì nhận biết được tội lỗi của mình và ăn năn thống hối. Nếu hôm nay chúng ta “*nhìn xem Đức Chúa Giê-xu là cội rễ và cuối cùng của đức tin, tức là Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục, và hiện nay ngồi bên hữu ngai Đức Chúa Trời*”. Vậy anh em hãy nghĩ đến Đấng đã chịu sự đối nghịch của kẻ tội lỗi đường ấy, hầu cho khỏi bị một sòn lòng.” (Hê-bơ-rơ 12:2-4). Vâng, nếu chúng ta nhìn xem và so mình với Chúa thì sẽ được an ủi, khích lệ, và không một sòn lòng. Nhìn vào chính Chúa Giê-xu để thấy rằng chúng ta thật tội lỗi, hèn mọn trước sự cao cả, vĩ đại của Chúa. Nhìn vào Chúa Giê-xu để thấy rằng chúng ta không xứng đáng với những gì mình đang được hưởng. Nếu đem cuộc đời của chúng ta đặt vào trong tình yêu vô bờ của Chúa Giê-xu thì chúng ta sẽ thấy mình nhỏ bé và thấp thỏm là dường nào. Đừng so mình với người khác vì chúng ta sẽ chỉ thấy cái rác trong mắt họ thôi mà không thấy được cây đũa trong mắt mình (Ma-thi-ơ 7:3-5). Hãy so mình với Chúa Giê-xu để thấy được những phước hạnh mình đang thụ hưởng lớn lao là dường nào.

Giống như hai tên cướp, chỉ có hai quan niệm sống để chúng ta phải học theo. Một là lúc nào cũng ích kỷ, lo đến bản thân mình trước hết để rồi không chịu phục thiện. Hai là biết nghĩ lại những sai trật trong cuộc đời của mình để ăn năn và thay đổi. Chúng ta chọn thái độ nào để sống theo? Ở với Chúa trong Pa-ra-đi hay một nơi nào khác là tùy thuộc vào sự chọn lựa của chúng ta hôm nay.

Trong Mùa Thương Khó này, chúng ta suy ngẫm về một tên cướp, có lẽ trong cuộc đời của tên cướp này không có gì đáng để chúng ta phải học hỏi, ngoại trừ phải dạy con cái tránh xa và nhìn vào kết cục của những con người như vậy, phải không? Nhưng xấu xa đến như vậy mà cũng có lúc tên cướp này phải thay đổi, ăn năn và nhìn nhận được tội lỗi của mình để rồi được ở trong Pa-ra-đi. Đây há không phải là bài học lớn dành cho chúng ta sao? Vâng, thưa quý vị, xin đừng tuyệt vọng. Không một tội lỗi nào của chúng ta lớn đến nỗi Chúa Giê-xu không tha thứ được; không một con người nào là không thể nhận được ân sủng cứu rỗi kỳ diệu của Chúa nếu chúng ta mở lòng ra với Ngài. Khốn nạn như tên cướp mà cũng dạy chúng ta bài học về sự tha thứ dồi dào cùng với ân điển vô biên của Chúa. Mỗi một chúng ta là một bài học, một bài giảng sống nếu chúng ta sống trong niềm tin nơi Chúa Giê-

xu. Thành công hay thất bại của mỗi chúng ta là bài học cho người đi sau. Xin Chúa mở mắt để chúng ta nhìn thấy những điều cần học nơi tất cả mọi người! Xin Chúa mở mắt để chúng ta học được những điều Chúa muốn chúng ta học trong cuộc sống hằng ngày.

* * * * *

NHỮNG CON NGƯỜI LẠ LÙNG

- Những ai nói về sự cầu nguyện mà chẳng hề cầu nguyện.
- Những ai muốn thuộc về Hội thánh của Đức Chúa Trời hằng sống mà không nghĩ gì đến việc gia nhập Hội thánh, cũng như không quyết định nâng đỡ Hội thánh bằng công tác phục vụ và sự dâng hiến.
- Những ai nói rằng Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, nhưng chỉ vâng lời tùy theo ý mình thích.
- Những ai nói rằng cõi đời đời là quan trọng hơn hiện tại, nhưng chỉ sống cho thế hạ này.
- Những ai nói rằng dâng phần mười là phải lẽ mà không bao giờ dâng phần mười.
- Những ai đã chỉ trích người khác về những tội lỗi mà chính họ vấp phạm.
- Những ai đứng ở ngoài những buổi họp của Hội thánh với những lý do không ra gì mà vẫn luôn miệng hát ca: “Hỡi Chúa, tôi xin Ngài cho tôi ân tứ về tình thương”.
- Những ai đã bước theo ma quỷ cả đời sống mà lại ước ao sẽ vào thiên đàng.

(Trích báo “Tin và Phục Vụ”)



Trong Mùa Chay, suy niệm về những thương khó Chúa Cứu Thế Giê-xu gánh chịu vì chúng ta, chúng ta hãy cùng nhau đi theo bước chân của Chúa để thấu hiểu phần nào nỗi khổ đau Chúa phải gánh chịu.

Trong câu chuyện Phúc Âm hôm nay, mời quý vị cùng tôi bước đến vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi Chúa đã cầu nguyện trước lúc bị bắt để học bài học khổ đau đầu tiên với Chúa. Ghết-sê-ma-nê là một khu đất trồng cây ô-liu. Người Do-thái trồng cây ô-liu, ép trái để lấy dầu, vì vậy trong những khu đất trồng cây ô-liu thường có những chỗ để ép dầu. Chữ "Ghết-sê-ma-nê" nghĩa là nơi ép dầu và đây là nơi Chúa đã đi chặng đường đầu tiên trong hành trình thống khổ vì tội của nhân loại. Ghết-sê-ma-nê là một địa điểm Chúa và các môn đệ thường tụ họp để nghỉ ngơi và cầu nguyện. Không phải đợi đến lúc sắp bị bắt Chúa mới đến nơi này. Trong đời sống bận rộn mỗi ngày, quý vị và tôi, chúng ta cũng cần có một nơi để nghỉ ngơi và cầu nguyện như vậy. Thánh Kinh cho biết đây là nơi Chúa đến cầu nguyện theo thói quen của Ngài. Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời có thói quen cầu nguyện như vậy thì chúng ta là con người tội lỗi lại còn cần phải dành thì giờ và tìm một nơi yên tĩnh mỗi ngày để tâm giao và cầu nguyện với Chúa.

Một số người cho rằng cầu nguyện là hèn yếu, ủy mị. Thật sự không phải như vậy. Cầu nguyện chỉ có nghĩa là chúng ta ý thức có Đấng Tạo Hóa Chí Cao đầy quyền uy. Chúng ta tiếp nhận sự sống từ nơi Chúa, vì vậy chúng ta cần Chúa và tùy thuộc nơi Chúa để mà sống. Cầu nguyện cũng là tâm giao, trò chuyện với người Cha thân yêu để được Ngài hướng dẫn trên đường đời đầy cam bẫy. Và cầu nguyện cũng là để cho tâm trí chúng ta tràn đầy tư tưởng của Thiên Chúa, để chúng ta biết nói năng và xử sự đúng. Khi Chúa vào vườn Ghết-sê-ma-nê để cầu nguyện, Chúa bảo các môn đệ hãy cầu nguyện để khỏi sa vào chước cám dỗ. Cầu nguyện cũng là để trang bị cho chúng ta vũ khí phòng thân, giúp chúng ta vượt thắng cám dỗ. Chúng ta biết rằng cám dỗ trước hết đến trong tư tưởng chúng ta. Cầu nguyện chính là để cho tư tưởng chúng ta hòa hợp với tư tưởng của Chúa và nhờ đó chúng ta có sức mạnh để chiến thắng cám dỗ.

Chúa Giê-xu đã bước vào vườn Ghết-sê-ma-nê cầu nguyện theo thói quen để trình dâng nỗi lòng cho Đức Chúa Cha và đây là thì giờ Chúa Giê-xu phải vật

vã với nỗi khổ lớn nhất trong cuộc đời của Chúa. Đó là nỗi khổ đau mang tội của toàn thể nhân loại. Trong vườn Ghết-sê-ma-nê, Chúa Giê-xu đã cầu nguyện những lời như sau: "Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cho con khỏi uống chén này. Tuy vậy, xin đừng làm theo ý con, mà xin theo ý Cha." Đức Chúa Giê-xu cầu nguyện xin Đức Chúa Cha khỏi phải uống chén, nhưng không theo ý của Chúa mà theo ý của Đức Chúa Cha.

"Chén" mà Chúa Giê-xu xin khỏi phải uống là chén gì? Đây là chén thịnh nộ, chén hình phạt của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-xu không sợ chết nhưng nỗi khổ lớn nhất Chúa Giê-xu phải gánh chịu là nỗi khổ phải mang tội của toàn thể nhân loại. Chúa Giê-xu là con người hoàn toàn vô tội, giờ đây phải mang tội của toàn thể nhân loại, đó là cái chén mà Chúa Giê-xu không muốn uống. Chúng ta cần đặt mình vào hoàn cảnh này để có thể nhìn thấy vấn đề rõ hơn. Chúng ta là một người hiền lương vô tội, không làm điều gì bất chính. Giả sử con của chúng ta gây nên tội ác phải ngồi tù. Nếu chúng ta không muốn con ngồi tù, chúng ta phải đứng ra nhận tội thế cho con. Chúng ta vô tội hoàn toàn, nhưng bây giờ vì thương con, chúng ta hy sinh tất cả danh dự, tiếng tăm và cả đến hạnh phúc của chúng ta đứng ra nhận tội. Người ta sẽ chê cười, khinh bỉ chúng ta, nói rằng một người tưởng hiền lương mà thật ra là gian ác xấu xa. Và rồi chúng ta phải lãnh bản án thế cho con. Giả sử chúng ta phải vật vã trước một quyết định như vậy, chúng ta sẽ làm gì?

Đó chính là một phần của nỗi đau thương Chúa Giê-xu phải trải qua trong vườn Ghết-sê-ma-nê. Vô tội mà phải mang lấy tội của toàn nhân loại. Có phương cách nào khác để cứu rỗi nhân loại không? Câu trả lời là không bởi vì tội lỗi phải bị hình phạt, đó là công lý của Thượng Đế. Công lý phải được thi hành. Tội lỗi không bị hình phạt thì Thượng Đế không còn công chính nữa. Nhưng hình phạt toàn thể nhân loại sao? Như vậy Thượng Đế không còn tình thương. Phải có một giải pháp và giải pháp duy nhất là Chúa Giê-xu phải chịu hình phạt thế cho nhân loại, không còn một con đường nào khác. Nỗi khổ của Chúa Giê-xu trong vườn Ghết-sê-ma-nê là nỗi khổ phải mang tội của toàn thể nhân loại, phải uống chén đau thương mà Đức Chúa Cha đã dành cho Ngài. Nỗi thống khổ này càng lớn, càng giúp chúng ta thấu hiểu được giá trị của sự cứu rỗi và tình thương vĩ đại Thiên Chúa dành cho chúng ta.

Thưa quý vị, niềm tin nơi Chúa Giê-xu, nhận rằng Chúa đã chết vì tội của chúng ta không phải là một

cái gì đơn sơ, tầm thường nhưng là một giá rất đắt Thiên Chúa đã trả vì tội của chúng ta. Nó nói lên tình yêu vô điều kiện Chúa dành cho chúng ta. Tin Chúa và tôn thờ Ngài là đền đáp lại phần nào tình thương vĩ đại Chúa dành cho chúng ta và không phụ sự hy sinh cao cả của Chúa vì chúng ta. Chúa đã uống chén khổ đau để chúng ta không còn phải uống. Hãy cảm tạ Chúa và tiếp nhận món quà cứu rỗi Thiên Chúa dành cho chúng ta.

Chúa Giê-xu không sợ chết nhưng run sợ vì là một con người vô tội phải mang lấy tội của toàn nhân loại. Dầu vậy, Chúa không tránh né, Chúa chỉ trình bày với Đức Chúa Cha và xin thuận phục hoàn toàn ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúa cầu nguyện, "Đừng làm theo ý con mà xin theo ý Cha." Thánh Kinh đã xác nhận tinh thần vâng phục này như sau: "Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thể nào là vâng phục." Chúa Giê-xu đã học bài vâng phục trong những nỗi khổ đau Ngài gánh chịu vì nhân loại. Lời Thánh Kinh nói tiếp: "Khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người." Chúa Giê-xu đã vâng phục Đức Chúa Cha, chịu hình phạt vì tội của nhân loại chẳng những để cứu rỗi nhân loại nhưng cũng để chúng ta noi gương Chúa, vâng phục như Chúa đã vâng phục.



Chúa Giê-xu đã chịu chết để hoàn thành chương trình cứu chuộc nhân loại nhưng nhân loại phải tiếp nhận thì mới kinh nghiệm được ơn cứu chuộc đó và đó chính là tin mừng cứu rỗi chúng tôi loan báo với quý vị. Chúa Giê-xu là nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu nhưng nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu đó chỉ dành cho những ai từng phục Chúa như chính Chúa đã từng phục, vâng lời Đức Chúa Cha. Không vâng lời Chúa là coi thường, coi khinh, coi cái chết của Chúa Giê-xu

như không có giá trị gì trong khi cái chết của Chúa Giê-xu mang giá trị tuyệt đối và là phương pháp duy nhất Thượng Đế có thể dùng để cứu rỗi nhân loại.

Người ta kể chuyện có một cậu bé nọ đeo gổ thành một chiếc thuyền xinh xắn. Cậu đem thả chiếc thuyền xuống biển để chơi, thỉnh thoảng một đợt sóng lớn kéo chiếc thuyền ra khơi và cậu bé mất đi bảo vật của mình. Cậu buồn lắm, lúc nào cũng nghĩ đến chiếc thuyền và công khó mình bỏ ra để làm chiếc thuyền đó. Một ngày nọ, cậu đi ngang một tiệm bán đồ chơi, nhìn vào tủ kính, cậu thấy chiếc thuyền của mình bày bán trong cửa hiệu đó. Cậu chạy vào nói với người bán hàng, "Ông ơi, chiếc thuyền đó của tôi, ông đưa cho tôi đi!" Người bán hàng nghiêm nghị nhìn cậu và nói, "Cậu phải bỏ tiền ra mua chứ làm sao là thuyền của cậu được?" Cậu bé tiu ngưu ra về và bắt đầu để dành tiền. Sau nhiều ngày có đủ tiền, cậu đem đến tiệm đồ chơi và nói với người chủ tiệm, "Tiền đây, ông đưa chiếc thuyền cho tôi đi." Người chủ tiệm lấy tiền và trao chiếc thuyền cho cậu bé. Cậu bé sung sướng, ôm chiếc thuyền vào lòng và nói, "Thuyền ơi, ta thương ngươi lắm. Ta đã bỏ công sức làm ra ngươi, bây giờ ta lại bỏ tiền để mua ngươi nữa. Từ nay trở đi ngươi sẽ thuộc về ta hoàn toàn, ngươi sẽ không bao giờ ra khỏi vòng tay của ta nữa!"

Kính thưa quý vị, những lời cậu bé nói với chiếc thuyền cũng là những lời Thiên Chúa nói với chúng ta. Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta, đã làm nên chúng ta, nhưng chúng ta đã tự ý từ bỏ Chúa, xa lìa Ngài. Chúng ta cần trở về với Đấng Tạo Hóa yêu thương, lúc nào cũng giang rộng vòng tay chờ đón chúng ta. Thiên Chúa chẳng những đã tạo dựng chúng ta, Ngài cũng đã gánh trần chịu chết để chuộc tội chúng ta. Chúa muốn chúng ta trở về với Ngài và nói với chúng ta rằng, "Ta đã tạo dựng con và cũng đã cứu chuộc con, hãy trở về để kinh nghiệm ơn cứu rỗi Ta dành cho con." Quý vị đáp ứng thể nào trước lời mời gọi của Ngài?

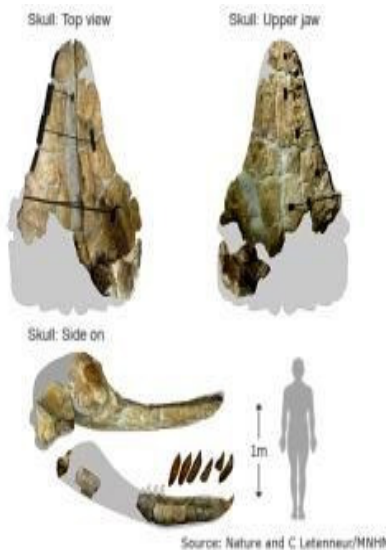
Mục sư Nguyễn Thi
Chương trình Phát thanh Tin Lành:
www.tinlanh.org

Quái Vật Biển Leviathan Không Còn Là Huyền Thoại

Lời dẫn: Trong sách Gióp chương 3 câu 8 có đề cập đến con vật có tên “Lê-vi-a-than” hay “Thủy quái” (Theo Kinh Thánh Bản dịch mới) với chú giải là “tên này chỉ về một con thú, theo truyện phong thần của phương Đông, có thể nuốt được mặt trời và mặt trăng, như vậy làm nên nguyệt thực”. Khám phá của khoa học gần đây cho thấy Lê-vi-a-than thực sự như thế nào.



Leviathan là một kẻ săn mồi hung tợn dài 17m, chúng có thể săn thịt cả những con cá voi khác.



Source: Nature and C. Leterneur/MNH



Hộp sọ của Leviathan được khám phá tại vùng trầm tích 12 triệu năm tuổi ở Peru.

Một đầu sọ hóa thạch dài 3m của loài quái vật này được các nhà nghiên cứu ở Nam Peru phát hiện vào năm 2008. Sinh viên của TS Christian de Muizon, Olivier Lambert là một trong số đó. Anh kể lại, đó là ngày cuối cùng trong chuyến thám hiểm nghiên cứu của họ. Một trong bốn đồng nghiệp của anh đến và bảo rằng đã tìm thấy một vài thứ rất lý thú. Họ đi theo và được người đó chỉ cho xem.

Lập tức họ nhận ra đó phải là một con cá voi rất lớn và khi quan sát kỹ hơn, họ thấy đó là một cá nhà táng khổng lồ với những cái răng cực lớn. Những chiếc răng gấp đôi chiều dài và đường kính của răng cá nhà táng ngày nay, chúng mọc ra từ hàm trên lẫn hàm dưới. Răng của cá nhà táng hiện đại cũng chỉ mọc ở hàm dưới.

Tiến sĩ Lambert và đồng nghiệp của anh tỏ ra hào hứng với phát hiện này, hóa thạch hộp sọ cho thấy quái vật Leviathan không chỉ là điều hoang đường.

Những nhà nghiên cứu không biết tại sao cá voi cổ đại biến mất. Họ suy đoán rằng sự thay đổi của môi trường sinh thái khiến sinh vật này phải thay đổi thói quen ăn của nó. Điều này có thể đã tạo nên loài cá nhà táng hiền lành hơn ngày hôm nay.

Những tác giả của bài báo trên tờ Nature, những chuyên gia về cá voi đều là người hâm mộ cuốn tiểu thuyết Moby Dick về một con cá bạch tắng hung tợn. Vì vậy họ đã quyết định công hiến phát hiện này cho tác giả, Herman Melville và đặt cho sinh vật một cái tên khoa học đầy đủ là *Leviathan melvillei*.

(Theo BBC)

Các nhà nghiên cứu vừa phát hiện những dấu tích hóa thạch của một con cá voi cổ đại với bộ răng to lớn đáng sợ. Với kích thước khổng lồ cũng như bộ răng nhọn này, sinh vật ước chừng 12 triệu năm tuổi này quả rất xứng với biệt danh “Leviathan” (thủy quái) mà các nhà khoa học dành cho nó trong bài báo trên tờ Nature.

Quái vật biển này có thể dài hơn 17m và từng quyết chiến dữ dội với một sinh vật biển khổng lồ khác vào thời đó.

Leviathan có nhiều khả năng là cá nhà táng ngày nay bởi sự tương đồng về kích thước và hình dáng. Nhưng sự giống nhau chỉ có vậy. Trong khi cá nhà táng là một động vật tương đối thụ động thì Leviathan là một kẻ săn mồi hung dữ, biểu thị ở hai hàm răng sắc nhọn.

Theo Tiến sĩ Christian de Muizon, giám đốc Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên ở Paris, Leviathan có thể săn thịt nhiều loại sinh vật biển từ cá heo, hải cẩu cho đến những con cá voi khác. “Nó là một loại quái vật biển”, ông bày tỏ. “Và thật thú vị khi chú ý rằng vào lúc đó, ở cùng một vùng nước là một quái vật khác - cá mập khổng lồ dài 15m. Rất có thể giữa chúng đã có những cuộc chiến ác liệt”.

Những nhà nghiên cứu suy đoán rằng Leviathan có thể ăn những con mồi có chiều dài đến 8m. Nó có thể bắt mồi bằng bộ hàm to lớn và xé con mồi thành từng mảnh một cách nhanh chóng, hiệu quả với những cái răng khổng lồ.



Hội Thánh Tin Lành Việt Nam Houston

Vietnamese Alliance Church of Houston

12343 Old Walters Rd. Houston, TX 77014

Phone: 281-583-8821

Website : www.tinlanhhouston.org

THƯ NGỎ

Kính gửi Quý thân hữu đồng hương Việt Nam,

Trước hết, xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng từ Hội thánh Tin Lành Việt Nam Houston – tiểu bang Texas, Hoa Kỳ.

Với 37 năm lịch sử, Hội thánh Tin Lành Việt Nam Houston là Hội thánh Cơ Đốc lâu đời nhất của cộng đồng người Việt được thành lập tại Houston. Khi Quý Vị đến với Hội thánh chúng tôi, Quý vị sẽ tìm thấy một cộng đồng người Việt nồng ấm và thân thiện. Đó là mục đích thường xuyên của chúng tôi nhằm phản chiếu tình yêu của Thượng Đế và sống xứng đáng cho Chúa Cứu Thế Giê-xu. Chúng tôi hy vọng Quý vị sẽ đến với chúng tôi và gia nhập vào một gia đình tinh thần có ích lợi cho Quý vị.

Chúng tôi xin đưa ra những phương cách khác nhau để Quý vị lựa chọn tham dự, và bởi đó được lớn lên trong mối liên hệ của Quý vị với Thiên Chúa và với cộng đồng người Cơ Đốc Việt Nam, bao gồm:

- Học Kinh Thánh và sinh hoạt nhóm nhỏ cho các lứa tuổi
- Sinh hoạt Thanh niên tươi trẻ và sống động (sử dụng Anh ngữ)
- Sinh hoạt cho Nam giới và Nữ giới

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu tâm linh cho các thành viên, chúng tôi cũng có những công việc nhằm giúp đỡ cộng đồng người Việt như: Tư vấn và giúp đỡ việc học cho người chuẩn bị nhập quốc tịch Mỹ, tư vấn về xin trợ cấp xã hội...

Nếu Quý vị muốn biết cách nào mà Quý vị và gia đình mình có thể tham dự những chương trình trên đây, xin hãy gọi điện thoại, email (tuvan@tinlanhhouston.org), xem website của chúng tôi, hoặc tốt nhất là xin mời Quý vị đến nhà thờ của Hội thánh chúng tôi với các chương trình chính như sau:

- Ngày Chủ Nhật: Sinh hoạt Thanh niên (sử dụng Anh ngữ) từ 9:30 AM; Lễ Thờ phượng chính từ 11:15 AM; Sinh hoạt Thiếu nhi từ 11:15 AM
- Thứ Sáu: Sinh hoạt Gia đình trẻ, Nhóm học Kinh Thánh cho Thanh niên từ 8:00 PM
- **Trong tháng 4, nhân dịp Lễ Phục sinh, chúng tôi có chương trình đặc biệt tại nhà thờ Tin Lành Houston – 12343 Old Walters Rd. (Houston, TX 77014) gồm:**
1. Lễ kỷ niệm Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự (Lễ Thương khó) lúc 7:30 PM Thứ Sáu 6/4/2012. 2. Lễ Mừng Chúa Phục sinh lúc 10:00 AM Chủ Nhật 8/4/2012, sau đó là tiệc thông công và sinh hoạt cộng đồng trong khuôn viên nhà thờ. Xin hoan nghênh và trân trọng kính mời Quý vị cùng gia đình tham dự với Hội thánh chúng tôi. (Xin chú ý: Vào cửa tự do).

Nguyện xin Thiên Chúa ban cho Quý vị được thỏa lòng khi đến với Hội Thánh Tin Lành Việt Nam Houston!